



HUỖNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên)
BÙI HỒNG QUÂN (Chủ biên)
ĐÀO LÊ HOÀ AN – TRẦN TUẤN ANH
NGUYỄN THANH HUÂN – ĐỖ CÔNG NAM

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

SÁCH GIÁO VIÊN

7



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HUỖNH VẦN SƠN (Tổg Chũ biờn)
BÙI HỒNG QUẦN (Chũ biờn)
ĐÀO LỄ HOÀ AN – TRẦN TUẦN ANH
NGUYỄN THANH HUẦN – ĐỔ CÔNG NAM

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

SÁCH GIÁO VIÊN



nguynthcs.com

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



QUY ƯỚC VIẾT TẮT

GD&ĐT : Giáo dục và Đào tạo
GV : Giáo viên
HS : Học sinh
SBT : Sách bài tập

SGK : Sách giáo khoa
SGV : Sách giáo viên
PPDH : Phương pháp dạy học
THCS : Trung học cơ sở
THPT : Trung học phổ thông
tr. : Trang

Lời mở đầu

Quý thầy, cô giáo thân mến!

Với mong muốn đồng hành cùng quý thầy, cô giáo dạy môn Giáo dục công dân, nhóm tác giả SGK Giáo dục công dân 7 của bộ sách *Chân trời sáng tạo* đã tâm huyết, đầu tư biên soạn **Giáo dục công dân 7 – Sách giáo viên**. Sách bao gồm: một số vấn đề cơ bản của phương pháp, kĩ thuật dạy học Giáo dục công dân 7 và những vấn đề có liên quan về xây dựng kế hoạch bài dạy, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn học này.

Sách giáo viên khai thác theo hướng thiết thực và hiệu quả cho việc dạy và học môn này, cụ thể như sau:

Phần nội dung chung, các vấn đề cơ bản đảm bảo phù hợp với định hướng dạy học phát triển phẩm chất, năng lực và nhất quán với các chuyên đề bồi dưỡng phục vụ triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trên cả nước.

Phần nội dung cụ thể, nhóm tác giả tập trung vào các tri thức cơ bản kèm theo đó là các ví dụ minh họa cụ thể và các gợi mở để khai thác, tổ chức các chủ đề, bài học cụ thể.

Với mỗi bài học, chủ đề cụ thể, nhóm tác giả đã tập trung khai thác cách thức tổ chức các hoạt động của giáo viên theo phương châm lấy học sinh làm trung tâm. Trên cơ sở đó, các thầy cô có thể tiến hành theo điều kiện cụ thể của nhà trường và thể mạnh của bản thân và nhất là dựa trên phẩm chất, năng lực của học sinh để phát triển các em nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt đã đề ra.

Rất mong cuốn sách sẽ là người bạn đồng hành cùng với quý thầy cô. Những nội dung trong sách giáo viên sẽ là những định hướng, gợi mở thú vị để các thầy cô tạo nên những tiết học ý nghĩa, tạo được những cảm xúc tích cực cho giáo viên và học sinh.

Chúc quý thầy cô sẽ có những kế hoạch bài dạy thật hiệu quả!

NHÓM TÁC GIẢ

Mục lục

PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN	5
1. Vị trí và mục tiêu dạy học môn Giáo dục công dân	5
2. Yêu cầu cần đạt của việc dạy học môn Giáo dục công dân	5
3. Nội dung môn Giáo dục công dân	7
4. Cấu trúc và nội dung sách giáo khoa Giáo dục công dân 7	8
5. Phương pháp dạy học Giáo dục công dân 7	25
6. Đánh giá kết quả giáo dục	28
7. Hướng dẫn đánh giá kết quả học tập Giáo dục công dân 7	28
8. Tài nguyên dạy học	33
9. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học	34

PHẦN 2: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC TRONG

SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7	37
BÀI 1. Tự hào về truyền thống quê hương	37
BÀI 2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	44
BÀI 3. Học tập tự giác, tích cực	50
BÀI 4. Giữ chữ tín	56
BÀI 5. Bảo tồn di sản văn hoá	63
BÀI 6. Nhận diện tình huống gây căng thẳng	71
BÀI 7. Ứng phó với tâm lí căng thẳng	77
BÀI 8. Phòng, chống bạo lực học đường	83
BÀI 9. Quản lí tiền	92
BÀI 10. Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội	99
BÀI 11. Phòng, chống tệ nạn xã hội	105
BÀI 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	111

PHẦN MỘT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

1. VỊ TRÍ VÀ MỤC TIÊU DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (gồm Chương trình tổng thể và Chương trình môn học), môn Giáo dục công dân (GDCC) được hợp thành từ 3 môn học ở 3 cấp học: Đạo đức (cấp Tiểu học), GDCC (cấp Trung học cơ sở (THCS) và Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (cấp Trung học phổ thông (THPT)).

Ở cấp THPT, môn GDCC giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp học sinh (HS) tiếp cận hai mục tiêu nhằm hình thành, phát triển ý thức và các chuẩn mực thái độ, hành vi của người công dân:

1. Giúp HS có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản cũng như giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó khơi dậy lòng tự hào về truyền thống quê hương; biết bảo tồn di sản văn hoá; biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; rèn luyện tính tự giác, tích cực trong học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, biết cách ứng xử trước các hiện tượng, sự kiện xảy ra trong cuộc sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội cũng như môi trường sống xung quanh.

2. Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ, hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với biến đổi xã hội và giải quyết được các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

2. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA VIỆC DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn GDCC một mặt cùng các môn học, hoạt động giáo dục khác góp phần giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo); mặt khác tập trung giúp HS hình thành, phát triển các năng lực đặc thù của môn học (năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội).



Ở cấp THCS, yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù được chương trình môn học quy định như sau:

2.1. Năng lực điều chỉnh hành vi

a. Nhận thức chuẩn mực hành vi

– Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.

– Có kiến thức cơ bản về nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Nhận thức được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

– Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

b. Đánh giá hành vi của bản thân và người khác

– Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.

– Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

– Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp khả năng của bản thân và nguyện vọng, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

c. Điều chỉnh hành vi

– Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

– Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, không làm những việc xấu (bạo lực học đường, tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng tới các giá trị tốt đẹp.

– Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

– Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.

2.2. Năng lực phát triển bản thân

a. Tự nhận thức bản thân

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

b. Lập kế hoạch phát triển bản thân

– Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

– Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân với sự tư vấn của thầy, cô giáo và người thân.

c. Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân

– Kiên trì hoàn thành mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

– Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.

2.3. Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

a. Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội

– Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.

– Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

b. Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

– Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

– Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với xã hội biến đổi.

– Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

3. NỘI DUNG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Đối với cấp THCS, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thì môn GDCC quy định nội dung giáo dục gồm:

– Giáo dục đạo đức: trọng tâm là các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm;

– Giáo dục kĩ năng sống: trọng tâm là các kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân và tự bảo vệ;

– Giáo dục kinh tế: chủ yếu là hoạt động tiêu dùng, chi tiêu cá nhân;

– Giáo dục pháp luật: chủ yếu là quyền và nghĩa vụ công dân.

Trên cơ sở này, nội dung dạy học GDCC 7 được quy định qua 10 chủ đề cụ thể: Tự hào về truyền thống quê hương; Quan tâm, cảm thông và chia sẻ; Học tập tự giác, tích cực; Giữ chữ tín; Bảo tồn di sản văn hoá; Ứng phó với tâm lí căng thẳng; Phòng, chống bạo lực học đường; Quản lí tiền; Phòng, chống tệ nạn xã hội; Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.

4. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7

4.1. Cấu trúc chung của sách giáo khoa Giáo dục công dân 7

Để quá trình tổ chức các hoạt động dạy học được thuận lợi, phù hợp với khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí của HS và thời lượng tiết học ở THCS, đồng thời đảm bảo thể hiện chính xác, đầy đủ, rõ ràng nội dung và mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực HS của chương trình. Dựa trên 10 chủ đề trong chương trình, SGK GDCC 7 chia thành 12 bài học. Cụ thể:

Bài 1. Tự hào về truyền thống quê hương

Bài 2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ

Bài 3. Học tập tự giác, tích cực

Bài 4. Giữ chữ tín

Bài 5. Bảo tồn di sản văn hoá

Bài 6. Nhận diện tình huống gây căng thẳng

Bài 7. Ứng phó với tâm lí căng thẳng

Bài 8. Phòng, chống bạo lực học đường

Bài 9. Quản lí tiền

Bài 10. Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội

Bài 11. Phòng, chống tệ nạn xã hội

Bài 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

Như vậy, thời lượng phân bổ cho các chủ đề, bài học như sau:

Nội dung	Chủ đề	Bài học
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC (35%)	Tự hào về truyền thống quê hương	Tự hào về truyền thống quê hương
	Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	Quan tâm, cảm thông và chia sẻ
	Học tập tự giác, tích cực	Học tập tự giác, tích cực
	Giữ chữ tín	Giữ chữ tín
	Bảo tồn di sản văn hoá	Bảo tồn di sản văn hoá

Luyện tập/ Ôn tập/ Tổng kết: 1 tiết Kiểm tra đánh giá: 1 tiết		
GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG (20%)	Ứng phó với tâm lí căng thẳng	Nhận diện tình huống gây căng thẳng
	Phòng, chống bạo lực học đường	Phòng, chống bạo lực học đường
GIÁO DỤC KINH TẾ (10%)	Quản lí tiền	Quản lí tiền
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (25%)	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội
	Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	Phòng, chống tệ nạn xã hội
Luyện tập/ Ôn tập/ Tổng kết: 1 tiết Kiểm tra đánh giá: 1 tiết		
Tổng số tiết: 35 tiết; Lên lớp bài dạy: 31 tiết; Luyện tập/ Ôn tập/ Tổng kết: 2 tiết; Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết.		

Theo cách thiết kế trên, cấu trúc nội dung và phân bổ thời lượng dạy học trong SGK GDCC 7 đáp ứng quy định của chương trình. Tuy nhiên, đây chỉ là cấu trúc và phân bổ mang tính định hướng. Khi thực hiện, GV có thể căn cứ vào yêu cầu cần đạt đã quy định trong chương trình và năng lực thực sự của HS cũng như thực tế dạy học ở mỗi lớp, để chủ động thiết kế kế hoạch dạy học, sắp xếp nội dung và phân bổ thời lượng một cách thích hợp với sự đồng thuận của GV bộ môn và Ban giám hiệu nhà trường.

4.2. Cấu trúc bài học và các hoạt động dạy học Giáo dục công dân 7

Dựa trên cơ sở *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn SGK; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định SGK* (sau đây viết gọn là *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*): “Cấu trúc bài học trong SGK bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng” (mục 2, Điều 7); bài học trong SGK GDCC 7 bao gồm 4 thành phần cơ bản: *Mở đầu, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng*.

– *Mở đầu*

+ GV tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS huy động kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng để bộc lộ cảm xúc và hiểu biết về những vấn đề liên quan đến chủ đề bài học. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, hoạt động giáo dục nếu gắn liền với những cảm xúc tích cực thì mới đạt hiệu quả cao.

* Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác, khơi dậy cảm xúc, hiểu biết của các em như: em rút ra được điều gì; em liên hệ đến điều gì hay em cảm thấy như thế nào;...

– Khám phá

+ GV tổ chức hoạt động tìm hiểu, khám phá kiến thức, kĩ năng, từng bước yêu cầu học sinh đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp. Từ đó, HS hình thành được phẩm chất, năng lực cụ thể gắn với yêu cầu cần đạt ở từng đề tài.

+ Những câu hỏi, yêu cầu thường đặt ra ở giai đoạn này là: em hãy chỉ ra những biểu hiện; theo em cách xử lí nào là phù hợp; em hãy xác định quy trình phù hợp; em nên làm gì;...

– Luyện tập

+ Trên cơ sở nhận thức rõ được biểu hiện, nguyên nhân, quy trình, cách thức thực hiện, GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống, hoàn cảnh cụ thể để xác định được hành động phù hợp. Hoạt động *Luyện tập* cần thể hiện được động cơ tích cực từ bên trong của HS để giải quyết những vấn đề cụ thể gắn với yêu cầu về phẩm chất, năng lực theo từng đề tài, chủ đề.

+ GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống có thực hoặc giả định.

– Vận dụng

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học). Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện hành vi tích cực, phù hợp với quy định của pháp luật và chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày.

4.3. Ma trận chung chủ đề, bài học – Yêu cầu cần đạt

YCCĐ/ Chủ đề, bài học	1	2	3	4	5	6
Bài 1. Tự hào về truyền thống quê hương	Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.	Thực hiện được một số việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.	Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống quê hương.			

Bài 2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.	Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.	Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người.	Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.		
Bài 3. Học tập tự giác, tích cực	Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.	Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực.	Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực.	Biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này.		
Bài 4. Giữ chữ tín	Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.	Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.	Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người khác một cách có trách nhiệm.	Phê phán những người không tôn trọng chữ tín, không biết giữ chữ tín.		
Bài 5. Bảo tồn di sản văn hoá	Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.	Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.	Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá.	Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá.	Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.	Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.
Bài 6. Nhận diện tình huống gây căng thẳng	Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng.	Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.	Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng.			

Bài 7. Ứng phó với tâm lí căng thẳng	Ứng phó với tâm lí căng thẳng.	Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.				
Bài 8. Phòng, chống bạo lực học đường	Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.	Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.	Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.	Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức.	Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không dễ bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.	
Bài 9. Quản lí tiền	Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả.	Nhận biết được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả.	Bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.			
Bài 10. Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội	Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến.	Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội.				
Bài 11. Phòng, chống tệ nạn xã hội	Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.	Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.	Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.	Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.		

Bài 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.	Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và người khác.	Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, bố mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.			
--	---	---	---	--	--	--

4.4. Ma trận yêu cầu cần đạt và các hoạt động cụ thể từng bài

CHỦ ĐỀ 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Tự hào về truyền thống quê hương

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.
- Thực hiện được một số việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.
- Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống của quê hương.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Cho biết các câu ca dao thể hiện truyền thống nào của dân tộc.
- Hoạt động 2. Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Quan sát tranh và thực hiện các yêu cầu.
- Hoạt động 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 5. Giải quyết tình huống.
- Hoạt động 6. Sắm vai và giải quyết tình huống.
- Hoạt động 7. Làm tập san về truyền thống văn hoá, yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.
- Hoạt động 8. Lập dự án tuyên truyền về những truyền thống tốt đẹp của quê hương.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3
HĐ 1	X		
HĐ 2		X	
HĐ 3		X	
HĐ 4		X	X
HĐ 5		X	X
HĐ 6		X	X
HĐ 7		X	
HĐ 8		X	X

CHỦ ĐỀ 2: QUAN TÂM, CẢM THÔNG VÀ CHIA SẺ

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác
- Hiểu được vì sao con người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.
- Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người.
- Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau; phê phán thói ích kỷ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát và cảm xúc của người khác.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Tìm những câu ca dao, tục ngữ thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ qua các bức tranh.
- Hoạt động 2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 5. Đọc tình huống và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 6. Sắm vai theo tình huống và thực hiện theo yêu cầu.
- Hoạt động 7. Làm sản phẩm thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ và gửi đến người em yêu quý trong gia đình, dòng họ, hàng xóm hay một nhân vật em cảm kích trong cuộc sống.
- Hoạt động 8. Viết đoạn văn và thuyết trình trước lớp về giá trị của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
HĐ 1	x			
HĐ 2		x		
HĐ 3			x	x
HĐ 4	x	x		
HĐ 5			x	
HĐ 6			x	x
HĐ 7			x	
HĐ 8			x	

CHỦ ĐỀ 3: HỌC TẬP TỰ GIÁC, TÍCH CỰC

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Học tập tự giác, tích cực

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.
- Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực.
- Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm của bản thân.
- Biểu hiện thái độ phù hợp để góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập nhằm khắc phục hạn chế để cùng nhau tự giác và tích cực hơn trong học tập.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Cùng hát và rút ra thông điệp liên quan đến việc học tập.
- Hoạt động 2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 5. Tìm ví dụ thực tiễn.
- Hoạt động 6. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 7. Lập dàn ý và thực hiện bài thuyết trình.
- Hoạt động 8. Lập bảng kế hoạch học tập cho năm học.
- Hoạt động 9. Chọn một người bạn trong lớp để cùng gợi ý, nhắc nhở nhau trong học tập và chia sẻ trước lớp về kết quả đạt được.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
HĐ 1	X	X		
HĐ 2	X	X		
HĐ 3		X	X	
HĐ 4		X		X
HĐ 5	X	X		
HĐ 6			X	
HĐ 7		X	X	
HĐ 8		X	X	
HĐ 9			X	X

CHỦ ĐỀ 4: GIỮ CHỮ TÍN

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Giữ chữ tín

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.
- Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.
- Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người khác một cách có trách nhiệm.

- Phê phán những người không tôn trọng chữ tín, không biết giữ chữ tín.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Quan sát tranh và cho biết ý nghĩa.
- Hoạt động 2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 5. Tìm và giải thích ca dao, tục ngữ, thành ngữ về giữ chữ tín.
- Hoạt động 6. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 7. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 8. Thiết kế sổ nhắc việc hoặc bảng ghi chú để ghi chép lời hứa và thực hiện.
- Hoạt động 9. Thiết kế thông điệp và trình bày trước lớp nhằm kêu gọi bạn bè thực hiện thói quen đúng giờ.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
HĐ 1	X			
HĐ 2	X			
HĐ 3	X	X		
HĐ 4		X	X	X
HĐ 5		X		X
HĐ 6			X	X
HĐ 7			X	X
HĐ 8			X	
HĐ 9		X	X	

CHỦ ĐỀ 5: BẢO TỒN DI SẢN VĂN HOÁ

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Bảo tồn di sản văn hoá

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.
- Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá.
- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá.
- Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.
- Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 2. Nêu tên và trình bày hiểu biết về các di sản văn hoá trong hình.
- Hoạt động 3. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Đọc thông tin và thực hiện các yêu cầu.
- Hoạt động 5. Thảo luận về các hành vi và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 6. Tìm ca dao, tục ngữ về di sản văn hoá của Việt Nam.
- Hoạt động 7. Nhận xét về suy nghĩ của các bạn học sinh trong tình huống.
- Hoạt động 8. Sắm vai và xử lý tình huống.
- Hoạt động 9. Viết đoạn văn bày tỏ niềm tự hào về di sản văn hoá Việt Nam và nêu các việc làm cụ thể để góp phần bảo tồn di sản văn hoá.

- Hoạt động 10. Thiết kế tấm thiệp giới thiệu về Tết cổ truyền Việt Nam.
- Hoạt động 11. Làm cuốn sách ảnh hoặc thực hiện một đoạn phim ngắn về di sản văn hoá tại địa phương để giới thiệu với bạn bè.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4	YCCĐ 5	YCCĐ 6
HĐ 1	X					
HĐ 2	X	X				
HĐ 3	X	X				
HĐ 4				X		
HĐ 5					X	X
HĐ 6	X	X				
HĐ 7				X		
HĐ 8				X	X	X
HĐ 9						X
HĐ 10	X	X				X
HĐ 11	X	X				X

CHỦ ĐỀ 6: ỨNG PHÓ VỚI TÂM LÝ CĂNG THẲNG

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Nhận diện tình huống gây căng thẳng

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng.
- Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.
- Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Viết ra giấy và chia sẻ với bạn.
- Hoạt động 2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Quan sát tranh và cho biết nguyên nhân, hậu quả của các trường hợp.
- Hoạt động 5. Liệt kê các tình huống gây căng thẳng mà học sinh thường gặp.
- Hoạt động 6. Đọc tình huống và nêu nguyên nhân gây căng thẳng.
- Hoạt động 7. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 8. Phân tích nguyên nhân, biểu hiện của căng thẳng trong một tình huống mà em từng gặp.
- Hoạt động 9. Thiết kế sơ đồ tư duy về ảnh hưởng của căng thẳng đối với bản thân.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3
HĐ 1	X		
HĐ 2	X	X	
HĐ 3			X
HĐ 4	X		
HĐ 5	X		
HĐ 6		X	
HĐ 7			X
HĐ 8			X
HĐ 9			

CHỦ ĐỀ 6: ỨNG PHÓ VỚI TÂM LÝ CĂNG THẺNG

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Ứng phó với tâm lý căng thẳng

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được cách ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng.
- Thực hành được một số cách ứng phó tích cực với tâm lý căng thẳng.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 2. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Đọc các ý kiến và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Sắp xếp tranh theo trình tự các bước ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng.
- Hoạt động 5. Chia sẻ cách ứng phó đã từng áp dụng với một tình huống căng thẳng trước đây.
- Hoạt động 6. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 7. Giải quyết một hình huống căng thẳng đã từng gặp nhưng chưa giải quyết hiệu quả.
- Hoạt động 8. Tư vấn cho bạn để giải quyết một tình huống mà bạn đang gặp phải và ghi lại cảm nhận của bạn.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2
HĐ 1	X	
HĐ 2	X	X
HĐ 3	X	
HĐ 4	X	
HĐ 5	X	
HĐ 6	X	X
HĐ 7		X
HĐ 8		X

CHỦ ĐỀ 7: PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Phòng, chống bạo lực học đường

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.
- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.
- Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.
- Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức và chủ động đề xuất ý tưởng triển khai tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường.
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Chỉ ra những hành vi chưa phù hợp của các bạn trong tranh.
- Hoạt động 2. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 5. Đưa ra cách ứng xử phù hợp cho các tình huống.
- Hoạt động 6. Tranh luận cùng bạn về các ý kiến.
- Hoạt động 7. Thảo luận cùng bạn để ứng phó với các trường hợp.
- Hoạt động 8. Đọc và sắp xếp các hành động theo trình tự: trước, trong và sau khi xảy ra bạo lực học đường.

- Hoạt động 9. Kể lại tình huống mâu thuẫn của bạn bè và đưa ra giải pháp phù hợp nhằm xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh.
- Hoạt động 10. Thiết kế và trang trí thông điệp về phòng, chống bạo lực học đường.
- Hoạt động 11. Xây dựng kịch bản và sắm vai trước lớp một tiểu phẩm về phòng, chống bạo lực học đường.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4	YCCĐ 5
HĐ 1	X				
HĐ 2	X				
HĐ 3	X				
HĐ 4		X			
HĐ 5			X		X
HĐ 6	X	X	X		
HĐ 7			X		X
HĐ 8			X		
HĐ 9			X		
HĐ 10				X	X
HĐ 11			X	X	X

CHỦ ĐỀ 8: QUẢN LÝ TIỀN

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Quản lý tiền

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả.
- Nhận biết được một số nguyên tắc quản lý tiền có hiệu quả.
- Bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Tìm ý nghĩa của câu tục ngữ, thành ngữ liên quan đến quản lý tiền.
- Hoạt động 2. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Đọc các phương án quản lý tiền và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Thuyết trình trước lớp về nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả.
- Hoạt động 5. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

- Hoạt động 6. Đánh giá về cách chi tiêu, tiết kiệm của bản thân và đề xuất hành động cụ thể để quản lí tiền hiệu quả.
- Hoạt động 7. Đọc tình huống và tư vấn cho bạn về cách quản lí tiền, tạo thu nhập phù hợp.
- Hoạt động 8. Chọn thông điệp, thảo luận và thuyết trình.
- Hoạt động 9. Lập kế hoạch quản lí tiền và chia sẻ cùng bạn.
- Hoạt động 10. Thực hiện dự án nhằm tạo nguồn thu phù hợp để giúp đỡ một bạn có hoàn cảnh khó khăn trong trường.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3
HĐ 1	X		
HĐ 2	X		
HĐ 3		X	
HĐ 4		X	
HĐ 5			X
HĐ 6		X	X
HĐ 7			X
HĐ 8		X	X
HĐ 9		X	
HĐ 10		X	X

CHỦ ĐỀ 9: PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến.
- Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Kể tên các loại tệ nạn xã hội được thể hiện trong tranh.
- Hoạt động 2. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Đọc các ý kiến và trả lời câu hỏi.

- Hoạt động 4. Nêu suy nghĩ về các câu ca dao, tục ngữ.
- Hoạt động 5. Phân biệt và giải thích hành vi tệ nạn xã hội.
- Hoạt động 6. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 7. Lập bảng liệt kê tác hại của tệ nạn xã hội và rút ra bài học nhằm tránh xa tệ nạn xã hội.
- Hoạt động 8. Làm một sản phẩm tuyên truyền về nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2
HĐ 1	X	
HĐ 2	X	X
HĐ 3	X	X
HĐ 4		X
HĐ 5	X	
HĐ 6		X
HĐ 7	X	X
HĐ 8		X

CHỦ ĐỀ 9: PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Phòng, chống tệ nạn xã hội

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.
- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.
- Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.
- Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Quan sát các bức tranh và cho biết ý nghĩa của các khẩu hiệu.
- Hoạt động 2. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

- Hoạt động 4. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 5. Đưa ra cách giải quyết phù hợp trong các trường hợp.
- Hoạt động 6. Thiết kế tờ rơi nhằm tuyên truyền cho HS về phòng, chống tệ nạn xã hội.
- Hoạt động 7. Trình bày tiểu phẩm ngắn với chủ đề: “Nói không với tệ nạn xã hội”.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
HĐ 1			X	
HĐ 2		X		
HĐ 3			X	
HĐ 4		X	X	
HĐ 5	X	X		X
HĐ 6		X	X	
HĐ 7	X	X	X	X

CHỦ ĐỀ 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG GIA ĐÌNH

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.
- Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác.
- Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, bố mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Tìm thông điệp từ các câu ca dao.
- Hoạt động 2. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 5. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 6. Kể lại những việc làm thể hiện sự quan tâm lẫn nhau giữa các thành viên của gia đình em.

- Hoạt động 7. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 8. Tự nhận xét việc thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với gia đình và xây dựng kế hoạch thực hiện nghĩa vụ của mình đối với gia đình trong thời gian tới.
- Hoạt động 9. Thiết kế sản phẩm có nội dung về bốn phận của con cháu đối với bố mẹ, ông bà.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3
HĐ 1	x		
HĐ 2	x		
HĐ 3	x		
HĐ 4	x		
HĐ 5		x	x
HĐ 6			x
HĐ 7	x	x	
HĐ 8		x	x
HĐ 9			x

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7

5.1. Định hướng chung

Chương trình môn GDCC đã giới thiệu một cách khái quát 4 nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, đó là:

– Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực trong môn GDCC, trên cơ sở đó hình thành phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

– Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn GDCC như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương, trải nghiệm, xử lý tình huống, thảo luận nhóm, đóng vai, dự án, thực hành,...

– Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài

khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS khi triển khai môn GD&CD.

– Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội khi tổ chức dạy học môn GD&CD.

Từ những nguyên tắc trên, GV có thể nhận thức rõ hơn về PPDH theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học thông qua môn GD&CD với các yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, thay cho cách tiếp cận “HS biết cái gì từ những điều đã học?”, Chương trình Giáo dục phổ thông hiện nay chú trọng đến mục tiêu “HS làm gì, làm thế nào từ những điều đã học?”. Do vậy, tinh thần của việc dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực được vận dụng trong môn GD&CD là phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân HS giúp HS tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa trên khả năng, sở thích và mối quan tâm riêng của mình; giúp HS làm chủ tri thức và vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, thúc đẩy tư duy sáng tạo, phản biện và khả năng giải quyết vấn đề, nhấn mạnh đến các tình huống thực tế và thông qua kỹ năng giải quyết các tình huống đó, tạo điều kiện để HS có thể rút ra kinh nghiệm và kiến tạo tri thức cho riêng mình.

Thứ hai, những yêu cầu cơ bản đối với PPDH theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực ứng dụng trong môn GD&CD là:

– Quá trình dạy học môn GD&CD được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, từ đó giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn;

– Trong quá trình dạy học môn GD&CD, GV tổ chức hướng dẫn để HS biết huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau chứ không phải chỉ biết kiến thức, kỹ năng chuyên biệt của môn học;

– Mục tiêu dạy học của môn GD&CD nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập; tạo điều kiện để HS vận dụng sáng tạo, linh hoạt những kiến thức, kỹ năng mới, qua đó phát triển những năng lực cần thiết trong học tập và trong cuộc sống. Đây cũng chính là hướng đích đến chuẩn đầu ra một cách chặt chẽ và khoa học.

Thứ ba, để đáp ứng những yêu cầu cơ bản trên, bản chất của đổi mới PPDH trong việc dạy môn GD&CD không phải thể hiện ở chỗ GV có ý thức, khả năng, điều kiện vận dụng các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học hiện đại hay không, mà là ở thực tiễn hành động của GV dạy môn GD&CD là: các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học đó có ưu tiên cho việc tích hợp, thực hành vận dụng kiến thức – kỹ năng, gắn các nội dung học tập với trải nghiệm của HS, đặt HS vào các tình huống của thực tiễn để yêu cầu phát biểu suy nghĩ, cảm xúc và đề xuất các giải pháp hành động,... cũng như phải hành động phù hợp.

Nói cách khác, đổi mới PPDH môn GD&CD 7 không phải là đánh giá xem phương pháp đó là truyền thống hay hiện đại mà là sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện dạy học và hiệu quả của nó đối với mục tiêu phát triển phẩm chất,

năng lực người học theo các yêu cầu cần đạt do chương trình đề ra. Khi GV tổ chức các hoạt động học tập môn GDCTD cho HS cần chú ý đến việc rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng tự học, nhu cầu hành động và thái độ tự tin; có sự kết hợp giữa học tập cá thể (hình thức học cá nhân) với học tập hợp tác (hình thức học tập theo nhóm, theo lớp); chú trọng kết hợp học với hành, nâng cao tri thức với rèn luyện các kĩ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống; phát huy thế mạnh của các PPDH tiên tiến, hiện đại, các phương tiện, thiết bị dạy học và những ứng dụng của công nghệ thông tin nhưng vẫn kết hợp hài hoà với các PPDH truyền thống,... khi đó GV đã thực sự đổi mới PPDH nói chung và đổi mới PPDH môn GDCTD nói riêng.

5.2. Định hướng dạy học

Khi sử dụng SGK GDCTD 7, trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV cần chú ý thêm một số điểm sau:

- SGK GDCTD 7 khai thác kênh chữ và kênh hình với nhiều tính chất, nội dung, chức năng khác nhau (minh hoạ nội dung, diễn tả tình huống,...). GV cần hiểu được tính chất, nội dung, chức năng của từng hình ảnh, chuỗi hình ảnh để có hướng khai thác một cách chính xác và hiệu quả nhất.

- SGK GDCTD 7 sử dụng câu hỏi ở các mức độ khác nhau (nhận biết, lựa chọn đúng/sai, phân biệt lợi ích/ tác hại của ứng xử theo chuẩn mực hành vi/ không theo chuẩn mực hành vi,...). GV cần phân biệt tính chất, độ khó của câu hỏi và chủ động quan sát lớp học để kịp thời gợi ý, hỗ trợ HS trả lời, không để HS bị áp lực khi khám phá nội dung bài học và không để lớp rơi vào những khoảng trống nặng nề.

- SGK GDCTD 7 có khai thác một số hoạt động sắm vai để giúp HS luyện tập thực hành một cách sinh động, hấp dẫn. GV cần chủ động tổ chức để HS có sự chuẩn bị (hoặc gợi mở HS tự chuẩn bị) về: đạo cụ, trang phục, không gian... để hoạt động này có thể diễn ra nhanh gọn, an toàn và hấp dẫn, đúng mục tiêu và yêu cầu cần đạt.

- SGK GDCTD 7 có một số hoạt động thảo luận, chia sẻ. GV cần chú ý đến việc linh hoạt trong cách chia nhóm (nhóm lớn, nhóm nhỏ, nhóm cố định, nhóm theo giới tính, nhóm theo sở thích,... và luân phiên, linh hoạt); theo dõi và phát triển các quan hệ giao tiếp, hợp tác cũng như các biểu hiện của sự nhường nhịn, hoà nhã; khuyến khích HS đề xuất và trao đổi, lựa chọn cách xử lý đối với một số tình huống cụ thể, gắn gũi với đời sống và phù hợp với HS,... để quá trình dạy học môn GDCTD đồng thời đạt được nhiều mục tiêu.

Ngoài ra, vì chương trình môn GDCTD, cũng như chương trình các môn học khác, đều được xây dựng theo hướng mở (chỉ quy định những yêu cầu cần đạt và những nội dung dạy học cơ bản, cốt lõi nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt) cho nên trong quá trình sử dụng SGK GDCTD 7 này, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình, GV hoàn toàn có thể chủ động, sáng tạo trong việc mở rộng, thay thế một số phương thức khác của một vài hoạt động trong chủ đề,... trên tinh thần đúng yêu cầu cần đạt, phù hợp với đặc điểm HS, đảm bảo tương thích với chủ đề và đạt hiệu quả dạy học cao nhất.

6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Đánh giá là quá trình thu thập, xử lý và phân tích thông tin về một vấn đề nhằm xác định các loại chỉ số (số lượng, chất lượng, giá trị) trong tương quan với mục tiêu đã đặt ra từ trước, từ đó đưa ra những nhận xét, cảnh báo, khuyến nghị,... giúp hoàn thiện, cải thiện, nâng cao chất lượng công việc. Đánh giá kết quả giáo dục nói chung và đánh giá kết quả giáo dục môn học cũng dựa trên nền tảng của quan điểm này về đánh giá.

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ HS đạt được về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục trong môn GD CD cũng tuân thủ yêu cầu này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Để đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập môn GD CD của HS THCS nói chung và lớp 7 nói riêng, GV cần lưu ý một số yêu cầu sau:

- Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn GD CD, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/sai, nên/ không nên, đồng tình/ không đồng tình, có lợi/ có hại,...

- Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn GD CD cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

- Đánh giá quá trình học tập môn GD CD trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

- Kết quả đánh giá toàn diện HS ở môn GD CD phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em,...; trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

7. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP GD CD 7

7.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ HS đạt được về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin về GV để điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục GD CD 7 cũng tuân thủ yêu cầu này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Thời lượng dành cho đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn GD CD là 10% trong tổng số 35 tiết học ở khối lớp 7 (tương đương với 4 tiết). Nội dung là đánh giá cuối học kỳ và cuối năm học.

7.1.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả GD CD 7 là hoạt động thu thập thông tin và so sánh mức độ đạt được của HS so với yêu cầu cần đạt của môn học nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự tiến bộ của HS, mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình để trên cơ sở có điều chỉnh hoạt động dạy học và cách tổ chức quản lí nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

7.1.2. Nguyên tắc đánh giá

- Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của GD CD 7, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/ sai, nên/ không nên, đồng tình/ không đồng tình, có lợi/ có hại,...

- Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của GD CD 7 cần kết hợp đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

- Đánh giá quá trình học tập GD CD 7 trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

- Kết quả đánh giá toàn diện HS ở GD CD 7 phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em,...; trong đó, đánh giá của GV là quan trọng nhất.

- Khi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chính thức thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành những văn bản hướng dẫn cần thiết về đánh giá kết quả giáo dục; GV dạy GD CD 7 cần cập nhật kịp thời để hoàn thiện việc đánh giá toàn diện HS ở môn học này.

7.1.3. Hình thức đánh giá

7.1.3.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là một hình thức đánh giá trong dạy học GD CD 7 được thực hiện qua từng hoạt động, tiết học, bài học. Như vậy, mỗi HS đều được đánh giá một cách thường xuyên, bảo đảm việc giáo dục đạo đức diễn ra liên tục, xuyên suốt.

Mục đích của đánh giá thường xuyên là giúp GV, HS xác định được mức độ giáo dục của từng HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu, các yêu cầu cần đạt theo chương trình môn GD CD, từ đó tác động phù hợp nhằm giúp các em tiến bộ không ngừng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình này.

Trong đánh giá thường xuyên GD CD 7, ngoài GV thì cả HS cũng tự đánh giá bản thân và đánh giá lẫn nhau nhằm tạo ra sự thống nhất. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, còn có sự tham gia của các lực lượng giáo dục, trước hết là gia đình. Chính sự tham gia này của các lực lượng giáo dục giúp cho việc đánh giá trở nên khách quan hơn nhờ HS được đánh giá mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ, liên quan đến những bài học GD CD 7 về mối quan hệ với gia đình, sự đánh giá của gia đình về việc HS thực hiện hành vi cực kì quan trọng.

Nội dung đánh giá thường xuyên của GD CD 7 gồm:

- Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định theo từng bài học.

- Các yêu cầu cần đạt theo từng nội dung, bài học được quy định trong chương trình môn học.

Những nội dung này được cụ thể hoá bằng mục tiêu của từng bài, thậm chí mục tiêu của từng hoạt động được tổ chức theo bài đó.

Ngoài ra, đánh giá thường xuyên còn quan tâm đến quá trình HS hoạt động, nhất là tư duy, để đạt được kết quả hoạt động (kiến thức, kĩ năng, hành vi, thái độ).

Do đó, khi đánh giá HS, GV cần căn cứ vào mục tiêu hoạt động, mục tiêu bài học để đối chiếu kết quả, tính đến các điều kiện thực hiện để xác định được mức độ được giáo dục của từng em.

Trong đánh giá thường xuyên, GV nhất thiết phải vận dụng phối hợp các phương pháp khác nhau, nhờ đó việc đánh giá mới bảo đảm tính khách quan, nhất là đánh giá hành vi của HS. Bởi vì, các bài học của GD CD 7 liên quan đến các mối quan hệ đa dạng của các em, trong đó có nhiều mối quan hệ ngoài nhà trường – gia đình, hàng xóm, công trình công cộng, môi trường,... Khi đó, việc HS thực hiện hành vi đạo đức không có mặt của thầy, cô giáo. Nhờ sự vận dụng phối hợp các phương pháp, cộng với sự tham gia của các lực lượng giáo dục, cùng với đánh giá của HS thì hành vi của các em mới có thể được đánh giá khách quan.

Sau khi có được thông tin chính xác và đầy đủ về kết quả học tập GD CD 7 của mỗi HS, GV cần dự kiến và tiếp tục tác động đến HS nhằm giúp từng em khắc phục những hạn chế để đạt được những yêu cầu theo bài học và tiến bộ. Theo quy định hiện hành, hình thức đánh giá thường xuyên của GD CD 7 là bằng nhận xét, không cho điểm.

Ngoài ra, trong quá trình đánh giá thường xuyên, tùy tính chất từng bài của GD CD 7, GV cần liên hệ và phối hợp với các lực lượng giáo dục, nhất là gia đình, nhằm bảo đảm hiệu quả giáo dục.

7.1.3.2. Đánh giá định kì

Theo quy định của Bộ GD&ĐT, đánh giá định kì đối với GD CD 7 được thực hiện vào 4 thời điểm: giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học.

Nội dung đánh giá định kì bao gồm:

- Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định của các nội dung, bài đã học.

- Các yêu cầu cần đạt theo nội dung, bài đã học được quy định trong chương trình môn học.

Trên cơ sở đánh giá thường xuyên, đối chiếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt được của HS với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình GD CD 7, GV đưa ra đánh giá cá nhân HS theo một trong các mức sau:

- Hoàn thành tốt: Thực hiện tốt các yêu cầu học tập.

- Hoàn thành: Thực hiện được các yêu cầu học tập.

- Chưa hoàn thành: Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập.

Bên cạnh đó, GV cũng cần ghi nhận sự tiến bộ của HS sau một thời gian học tập (học kì, năm học).

Những phương pháp kiểm tra, đánh giá thường được vận dụng trong đánh giá định kì GD&ĐT 7 là vấn đáp, kiểm tra viết.

Thông tư số 22/2021/TT-BGD&ĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông thì việc kiểm tra, đánh giá GD&ĐT 7 được kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập:

- Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc GD&ĐT 7 quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành;

- Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của HS trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành;

- Kết quả nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của HS không ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, mà được GV GD&ĐT 7 theo dõi, đánh giá, ghi trong học bạ và phối hợp với GV chủ nhiệm sau mỗi học kì tham khảo khi xếp loại hạnh kiểm;

- Mục đích cuối cùng của GD&ĐT 7 là hình thành và phát triển các chuẩn mực hành vi cho HS. Do vậy, cần đánh giá cả về nhận thức và về hành vi thực hiện bài học của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng, trong đó đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

7.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực

7.2.1. Tìm hiểu bài kiểm tra tự luận

Bài kiểm tra tự luận là một phương pháp kiểm tra viết nhằm kiểm tra, đánh giá bài làm của HS như: nhớ lại, sắp xếp lại, vận dụng những tri thức và kĩ năng đã học vào việc suy luận, giải quyết những vấn đề theo yêu cầu của câu hỏi kiểm tra (như trình bày, giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, làm bài tập thực hành,...). Phương pháp này giúp GV làm rõ không chỉ kết quả học tập GD&ĐT 7, mà còn quá trình HS tư duy trong việc giải quyết các vấn đề của câu hỏi, bài tập đặt ra trong quá trình học tập môn học này.

Bài kiểm tra tự luận thường được vận dụng để kiểm tra, đánh giá trong, sau khi GV tiến hành một hoạt động, tiết học, bài học.

Có thể sử dụng bài kiểm tra tự luận để kiểm tra, đánh giá kiến thức và kĩ năng của HS. Cụ thể, đối với kiểm tra, đánh giá kiến thức, HS trả lời những câu hỏi liên quan đến sự cần thiết (ý nghĩa, tác dụng của việc thực hiện và tác hại của việc làm trái với bài học) và cách thực hiện (những hành vi, công việc cần làm, những hành động cần tránh theo bài học GD&ĐT 7 quy định).

Đối với kiểm tra, đánh giá kĩ năng, HS cần đánh giá hành vi (xác định hành vi đó là đúng hay sai và giải thích vì sao) hay xử lí tình huống (nêu cách xử lí tình huống và giải thích cách giải quyết của mình) liên quan bài học.

7.2.2. Trắc nghiệm khách quan

Trắc nghiệm khách quan là một phương pháp kiểm tra viết nhằm đánh giá kết quả học tập của HS qua bài viết của các em với những câu trả lời cho các câu hỏi, bài tập, về cơ bản mang tính lựa chọn hoặc điền thêm một số từ.

Phương pháp này có hiệu quả đối với đánh giá kết quả, hạn chế trong việc đánh giá quá trình HS tư duy.

Trong dạy học GD CD 7, trắc nghiệm khách quan có thể được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ và kĩ năng, hành vi của HS.

Để kiểm tra, đánh giá **kiến thức**, có thể sử dụng nhiều dạng câu hỏi khác nhau. Tuy nhiên, đối với từng nội dung kiến thức cụ thể, để bảo đảm hiệu quả, cần vận dụng dạng bài tập phù hợp. Cụ thể, đối với nội dung, khi thực hiện bài học đạo đức thì dạng câu hỏi trắc nghiệm thường được sử dụng là điền khuyết.

Để kiểm tra, đánh giá **thái độ**, bài tập trắc nghiệm yêu cầu HS bày tỏ thái độ của mình (đồng ý, không đồng ý,...) đối với các ý kiến, quan niệm liên quan đến bài học.

Để kiểm tra, đánh giá các **kĩ năng** nhận xét hành vi, xử lý tình huống đạo đức, các dạng bài tập trắc nghiệm thường được sử dụng là điền đúng/ sai, nhiều lựa chọn.

Đối với việc kiểm tra, đánh giá **hành vi**, HS cần tự đánh giá việc thực hiện hành vi liên quan đến bài học.

7.2.3. Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp sử dụng các giác quan (chủ yếu là thị giác và thính giác) để xem xét, làm rõ sự vật, hiện tượng theo mục đích đã xác định.

Trong dạy học GD CD 7, quan sát được sử dụng để kiểm tra, đánh giá cả quá trình và kết quả hoạt động của HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đề ra. Phương pháp quan sát chủ yếu nhằm kiểm tra, đánh giá những biểu hiện năng lực và thái độ, hành vi của HS theo từng hoạt động, bài học của GD CD 7.

7.2.4. Phương pháp vấn đáp

Vấn đáp là phương pháp hỏi và đáp giữa HS và GV nhằm làm sáng tỏ quá trình học tập của HS và những kết quả đạt được. Phương pháp vấn đáp có thể được vận dụng để kiểm tra, đánh giá HS học tập GD CD 7 trước, trong và sau khi tiến hành một hoạt động, một tiết học, cũng như sau khi kết thúc một bài,...

Trong dạy học GD CD 7, phương pháp này giúp GV kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ, kĩ năng, hành vi của HS liên quan đến bài học. Qua đó, GV có thể phát hiện không chỉ những kết quả học tập đó mà còn quá trình HS tư duy (thường với câu hỏi "tại sao", qua đó, HS giải thích nguyên nhân, thể hiện tư duy của mình,...).

7.2.5. Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập

Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập dựa vào sản phẩm được HS làm ra, để xác định kết quả học tập của các em.

Trong dạy học GDCC 7, những sản phẩm của HS có thể là kết quả các hoạt động khác nhau như: thảo luận nhóm, điều tra các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn, thực hiện hành vi, công việc trong cuộc sống,... Khi đó, những sản phẩm hoạt động có thể được thể hiện qua:

- Các loại phiếu học tập (phiếu làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phiếu điều tra, phiếu rèn luyện, phiếu báo cáo).
- Kết quả của các hoạt động lao động trong thực tế (những sản phẩm này được GV quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp qua các bức ảnh).
- Tranh ảnh, thiệp, tranh tuyên truyền, cổ động,...
- Những đồ dùng (quần áo, sách vở,...), tiền bạc được HS quyên góp,...

Đối với sản phẩm là các phiếu học tập, GV nghe HS trình bày hoặc đọc kết quả được HS ghi trong phiếu, đối chiếu với đáp án (đối với làm việc cá nhân, thảo luận nhóm) hay những yêu cầu hoạt động (đối với các hoạt động điều tra, thực hiện hành vi) để đưa ra quyết định xử lý thông tin một cách phù hợp.

Trong nhiều trường hợp, sản phẩm thể hiện qua các phiếu học tập phản ánh kết quả điều tra, thực hiện hành vi, cần có sự xác nhận của các lực lượng giáo dục liên quan.

Đối với các sản phẩm là hiện thực được cải tạo, GV cần xem xét tình trạng của sự vật sau khi HS thực hiện hành vi, công việc, đối chiếu với hiện trạng trước đó (nếu có điều kiện), với những yêu cầu đối với hoạt động. Nhờ đó, GV nắm bắt được những thông tin về những hành vi, công việc các em đã thực hiện và kết quả đạt được.

8. TÀI NGUYÊN DẠY HỌC

Khi sử dụng SGK GDCC 7 làm tài liệu dạy học chính thức, ngoài SGK GDCC 7 này, tài nguyên dạy học còn có: SBT GDCC 7.

SBT GDCC 7 là tài liệu bổ trợ đi kèm SGK GDCC 7 nhằm giúp HS luyện tập, củng cố, mở rộng thêm kiến thức trong giờ học. Tài liệu này được thiết kế bám sát những mức độ yêu cầu cần đạt của 12 bài học trong SGK GDCC 7; chú trọng tăng cường khả năng nhận diện, khám phá và thực hành những nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm tâm lý, thể chất HS; chủ yếu gồm các dạng bài tập: xem hình để lựa chọn các phương án đúng/ sai, nên/ không nên; nối chữ – hình, điền khuyết, trắc nghiệm, xử lý tình huống,...

Như vậy, có thể khẳng định nếu làm chủ được các vấn đề lý luận về dạy học môn GDCC theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, từ vấn đề nắm vững chương trình môn học, làm chủ các chủ đề ở SGK, linh hoạt sử dụng các PPDH môn học, khéo léo lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học môn học, khai thác các tài nguyên dạy học hiệu quả, vận dụng các hình thức đánh giá HS trong môn học một cách khoa học, GV môn GDCC hoàn toàn có thể làm chủ được việc triển khai môn học này trong quá trình dạy học thực tiễn.

9. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

9.1. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các học liệu phục vụ cho việc dạy và học

Một số học liệu phục vụ cho việc dạy học: SGK GDCC 7, tranh ảnh minh họa, trò chơi ô chữ, sơ đồ tư duy,...

9.2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học

Khi sử dụng SGK GDCC 7 làm tài liệu dạy học chính thức, bên cạnh SGK GDCC 7, tài nguyên dạy học còn có SBT GDCC 7.

Bên cạnh SGK, SGK, SBT GDCC 7, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam còn cung ứng bộ tranh, video thiết bị dạy học tối thiểu (Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2021/TT- BGDDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT). Bộ tranh, video, dụng cụ tương ứng đối với mỗi bài như sau:

Bài 1: Tự hào về truyền thống quê hương, gồm có tranh thể hiện truyền thống quê hương: Hình ảnh tiễn thanh niên lên đường nhập ngũ,...

Bài 2: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ, gồm các tranh thể hiện về tình yêu thương con người, một số hành động của HS thể hiện tình yêu thương con người như: Giúp đỡ đồng bào ở vùng bị lũ lụt, chăm sóc người già/ tàn tật, hiến máu nhân đạo, trao nhà tình nghĩa, chăm sóc trẻ mồ côi,...

Bài 3: Học tập tự giác, tích cực, gồm các tranh thể hiện sự tự giác, tích cực trong học tập và cuộc sống của HS như: đọc sách ở thư viện, quyết tâm nói tiếng Anh thành thạo,...

Bài 4: Giữ chữ tín, gồm các video/ clip về thể hiện tình huống thực tế: bán hàng online không giữ chữ tín (giao hàng không đúng như quảng cáo) khiến khách hàng bất bình dẫn đến việc kinh doanh thất bại,...

Bài 5: Bảo tồn di sản văn hoá, gồm các video/clip về minh họa: giới thiệu di sản văn hoá vật thể thế giới ở Việt Nam (Phố cổ Hội An, Hoàng thành Thăng Long, Thành nhà Hồ) và các di sản văn hoá phi vật thể thế giới ở Việt Nam (Nhã nhạc cung đình Huế, ca trù, Dân ca quan họ Bắc Ninh) được UNESCO công nhận. Đồng thời, cũng thể hiện những việc cần làm (tu bổ, tôn tạo, bảo vệ di sản) và những việc không nên làm trong bảo tồn các di sản (viết, vẽ lên bia đá, hái hoa, dẫm đạp vào vườn hoa để chụp ảnh,...).

Bài 6, 7: Nhận diện tình huống gây căng thẳng và Ứng phó với tâm lý căng thẳng, gồm các tranh hướng dẫn như: Tranh gồm 01 tờ. Nội dung tranh thể hiện sơ đồ các cách ứng phó với tình huống căng thẳng: Xác định các dấu hiệu cảnh báo; Hít thở sâu; Tập thể dục, thiền, yoga; Giấc ngủ có chất lượng; Tìm sự phân tâm lành mạnh (viết nhật ký, nghe nhạc, chơi thú cưng); Nhìn về khía cạnh tươi sáng (hài hước, tham gia từ thiện, hoạt động xã hội).

Bài 8: Phòng, chống bạo lực học đường, gồm các tranh có nội dung thể hiện sơ đồ các kĩ năng ứng phó với bạo lực học đường bao gồm: Kĩ năng ứng phó trước khi bạo lực học đường xảy ra (nhận biết được dấu hiệu của bạo lực, chia sẻ với thầy cô, bố mẹ, các bạn); rèn luyện trau dồi bản thân, hoà đồng, tham gia nhóm bạn,

tập võ; Kỹ năng ứng phó khi bạo lực học đường xảy ra: kiểm chế cảm xúc tiêu cực (nói nhẹ nhàng, lánh đi nơi khác), kêu cứu, bỏ chạy nếu bị đánh, tìm người tin cậy để chia sẻ (thầy cô, bố mẹ, báo công an); Kỹ năng ứng phó sau khi bạo lực học đường xảy ra: không nghĩ cách trả thù, không bỏ học, tìm cách giảm bớt căng thẳng.

Bài 9: Quản lý tiền, gồm các tranh về lược đồ các nguyên tắc quản lý tiền: Chi tiêu tiền hợp lý, hiệu quả: chỉ mua những thứ thật cần thiết, không chi vượt quá mức tiền cho phép; Thực hành tiết kiệm tiền: có mục tiêu tiết kiệm và thực hiện được mục tiêu đó; Tìm cách kiếm tiền tăng thu nhập phù hợp với điều kiện của HS. Song song đó, còn có bộ dụng cụ: 7 chiếc lọ bằng nhựa có kích thước 50 mi-li-mét, cao 80 mi-li-mét có ghi hình và dán chữ lên thành lọ với nội dung thể hiện nhu cầu chi tiêu của bản thân như: nhu cầu thiết yếu 55%, giáo dục 10%, hưởng thụ 10%, tự do tài chính 10%, tiết kiệm dài hạn 10%, giúp đỡ người khác.

Bài 10, 11: Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội, gồm các tranh thể hiện sơ đồ cách phòng chống tệ nạn ma túy: Không tham gia sử dụng, vận chuyển, mua bán tàng trữ trái phép chất ma túy; Không xúi giục người khác tham gia vào tệ nạn ma túy; Khi phát hiện cá nhân, tổ chức có liên quan đến ma túy cần báo ngay cho cơ quan công an gần nhất; Quan tâm, động viên, giúp đỡ người cai nghiện tái hoà nhập cộng đồng, không kì thị xa lánh người cai nghiện; Tích cực tham gia tuyên truyền phòng tránh ma túy;...

Cần lưu ý một số yêu cầu sau trong việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn GDCC 7 nhằm phát triển năng lực đặc thù của môn GDCC nói riêng:

* *Thứ nhất*, coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. GV cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học của từng bài học cụ thể. Trên cơ sở đó, xác định phương tiện, thiết bị cần sử dụng, cách thức và thời điểm sử dụng. Cần sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, linh hoạt hiệu quả trong tất cả các khâu của quá trình dạy học (hướng dẫn HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện và giải quyết vấn đề luyện tập, thực hành, vận dụng vào thực tiễn) tránh hình thức, tránh lạm dụng.

* *Thứ hai*, tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những “quan sát viên” bất đắc dĩ, mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực, rèn luyện kỹ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân.

* *Thứ ba*, khai thác thiết bị dạy học trong dạy học. Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp,

dịch chuyển. Các phương tiện và thiết bị dạy học hiện đại tác động mạnh mẽ tới việc đổi mới phương pháp dạy học. Việc khai thác các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại không chỉ giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, mà còn giúp GV tiết kiệm thời gian.

* *Thứ tư*, tăng cường thiết bị dạy học tự làm. Cần động viên, khuyến khích và phát triển các thiết bị dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HS. Trong quá trình hình thành ý tưởng và thiết kế các phương tiện, thiết bị, HS được rèn luyện ý thức chăm chỉ, tự giác, kĩ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. Như vậy, hoạt động tự làm thiết bị của GV và HS không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân, mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

* *Thứ năm*, phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học. Mỗi loại hình thiết bị đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó trong dạy học cần phối hợp sử dụng các loại thiết bị dạy học khác nhau (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp với thiết bị tự làm). Tùy vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lí, khoa học và sinh động.

* *Thứ sáu*, tùy theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình, hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan hỗ trợ dạy học.

Bên cạnh đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các bài giảng, tích cực sử dụng giáo án điện tử kết hợp với việc sử dụng thiết bị dạy học một cách linh hoạt nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học. Tương ứng với từng chủ đề là những câu chuyện thực tế, hình ảnh bài báo, tranh vẽ minh họa để tăng tính trực quan, sinh động cho bài học.

Như vậy, có thể khẳng định nếu làm chủ được các vấn đề lí luận về dạy học môn GDCD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, từ vấn đề nắm vững chương trình môn học GDCD ở lớp 7, làm chủ các chủ đề ở SGK, linh hoạt sử dụng các PPDH môn học, khéo léo lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học môn học, khai thác các tài nguyên dạy học hiệu quả, vận dụng các hình thức đánh giá HS trong môn học một cách khoa học, GV môn GDCD hoàn toàn có thể làm chủ được việc triển khai môn học này trong quá trình dạy học thực tiễn.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7

Bài

1

Tự hào về truyền thống quê hương

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Khám phá được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.
- Thực hiện được một số việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.
- Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống của quê hương.

2. Về năng lực

Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước.
- Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GD CD 7, SGK, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.
 - + Các tranh, hình ảnh thể hiện nội dung tự hào về truyền thống quê hương như: Nghệ nhân cao tuổi làng gốm Bát Tràng, Giỗ tổ Hùng Vương năm 2020,...

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Thực hiện trò chơi *Ai nhanh hơn*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi, hãy kể tên những truyền thống tốt đẹp của quê hương.

c) Sản phẩm: HS chơi tích cực và kể tên được những truyền thống tốt đẹp của quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV tổ chức cho HS chơi cá nhân hoặc chia lớp thành các đội.

– Phổ biến thể lệ: Kể tên một số truyền thống tốt đẹp của quê hương trong một thời gian nhất định (gợi ý: 2 – 3 phút). Cá nhân nào, đội nào kể tên được nhiều truyền thống tốt đẹp hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV triển khai cho HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả cá nhân, đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học *Tự hào về truyền thống quê hương*.

Nhiệm vụ 2. Đọc những câu ca dao

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b) Nội dung: HS đọc các câu ca dao tại phần Mở đầu trong SGK tr.5 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận biết được các truyền thống nổi bật ở các địa danh trong câu ca dao.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc những câu ca dao và trả lời câu hỏi:

Em hãy cho biết những câu ca dao dưới đây thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc câu ca dao và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 HS trả lời câu hỏi.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin

a) Mục tiêu: HS nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.

b) Nội dung: HS đọc thông tin trong SGK tr.5 – 6 và thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm: HS nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc 3 thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi.

– Em hãy cho biết những địa danh trên gắn với truyền thống gì?

– Ngoài những truyền thống trên, còn truyền thống nào của quê hương mà em biết?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc 3 thông tin và trả lời 2 câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra những truyền thống quê hương: truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, truyền thống chống giặc ngoại xâm.

Nhiệm vụ 2. Quan sát tranh

a) Mục tiêu: HS chỉ ra được một số việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các bức tranh ở SGK tr.7 và thực hiện các yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS tìm hiểu và chỉ ra được một số việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK và thực hiện các yêu cầu sau:

– Cho biết các bạn trong những bức tranh trên đã làm gì để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

– Chia sẻ suy nghĩ của em về truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm ở địa phương.

– Nêu những việc em đã làm để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS quan sát tranh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét về những việc làm của HS trong việc giữ gìn, phát huy truyền thống địa phương và kết luận:

Những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương: tích cực tìm hiểu, học tập và duy trì những giá trị tốt đẹp của truyền thống quê hương. Đồng thời, em hãy quảng bá những nét đẹp đó cho bạn bè, người khác bằng các hình thức phù hợp với lứa tuổi như: tham gia các cuộc thi, làm video đăng tải lên mạng xã hội chính thống,...

Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS đánh giá được, trình bày được một số việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương; biết cách phê phán những việc làm sai trái đi ngược với những giá trị tốt đẹp truyền thống của quê hương.

b) Nội dung: Đọc các trường hợp trong SGK tr.7 – 8 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nêu được một số việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương, đồng thời biết cách phê phán những việc làm sai trái đi ngược với những giá trị tốt đẹp truyền thống của quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

– Trường hợp 1:

Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?

– Trường hợp 2:

+ *Em có nhận xét gì về những suy nghĩ của bạn B?*

+ *Em sẽ làm gì để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương?*

– Trường hợp 3:

Em đồng tình với ý kiến của bạn H không? Vì sao? Em sẽ ứng xử thế nào nếu bạn bè, người thân có những biểu hiện như trên?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 bạn HS trình bày ý kiến đối với từng trường hợp trong SGK tr.7 – 8.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá những câu trả lời phù hợp nhất, và cùng HS rút ra những nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

- Truyền thống quê hương là những giá trị vật chất, tinh thần mà người dân ở một vùng đất cụ thể tạo ra và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Truyền thống quê hương được thể hiện ở truyền thống: văn hoá, yêu nước, chống giặc ngoại xâm, đoàn kết, cần cù lao động,...
- Để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương, chúng ta cần: tìm hiểu về giá trị của truyền thống, bảo vệ và phát huy những giá trị tốt đẹp từ truyền thống; tích cực quảng bá, giới thiệu với bạn bè trong và ngoài nước;... Đồng thời, cần phê phán những việc làm, hành động thiếu ý thức trách nhiệm với quê hương, đi ngược lại những truyền thống tốt đẹp của quê hương, làm ảnh hưởng đến hình ảnh, giá trị của cộng đồng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS phân tích được tình huống và thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

b) Nội dung: Giải quyết các tình huống bằng cách trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS thực hiện được những việc làm cụ thể để tránh các biểu hiện đi ngược lại hay thiếu tôn trọng truyền thống văn hoá quê hương, nêu những cách thức để quảng bá truyền thống quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

– Tình huống 1:

+ Nếu là bạn của M, em sẽ nói gì với M?

+ Em cần làm gì để tránh các biểu hiện đi ngược lại hay thiếu tôn trọng truyền thống quê hương?

– Tình huống 2:

+ Em sẽ nói gì với Lan?

+ Em sẽ quảng bá truyền thống quê hương em như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ đưa ra câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Sắm vai và giải quyết tình huống

a) Mục tiêu: HS phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống quê hương và xác định được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

b) Nội dung: HS sắm vai và giải quyết tình huống.

c) Sản phẩm: HS sắm được vai phù hợp với tình huống; phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống quê hương; xác định được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS sắm vai và giải quyết tình huống.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc tình huống và sắm vai để giải quyết tình huống.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 nhóm HS, mỗi nhóm 2 bạn để sắm vai.

– Sắm vai tình huống 1.

– Sắm vai tình huống 2.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những nội dung phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thiết kế tập san

a) Mục tiêu: HS thực hiện được hành động cụ thể của bản thân để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

b) Nội dung: Em hãy thiết kế một tập san gồm các hình ảnh, nhân vật, câu chuyện về truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.

c) Sản phẩm: HS thiết kế một tập san gồm các hình ảnh, nhân vật, câu chuyện về truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu tất cả HS thiết kế một tập san gồm các hình ảnh, nhân vật, câu chuyện về truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày sản phẩm, sau đó, mời các HS cùng tham gia đóng góp ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt của HS; động viên khích lệ những em làm chưa phù hợp và hướng dẫn cách điều chỉnh.

Nhiệm vụ 2. Thiết kế và thực hiện dự án

a) Mục tiêu: HS vận dụng và thiết kế, thực hiện dự án tại địa phương để giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

b) Nội dung: Hãy làm việc theo nhóm để lập dự án tuyên truyền về những truyền thống tốt đẹp của quê hương em.

c) Sản phẩm: HS thiết kế và thực hiện được một dự án ở địa phương nơi em sống nhằm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thiết kế và thực hiện một dự án ở địa phương nơi em sống nhằm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS thiết kế dự án tại lớp hoặc về nhà và thực hiện dự án tại địa phương.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 nhóm chia sẻ dự án tại lớp (nếu có thời gian).

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và giao thời gian để HS triển khai dự án tại địa phương. Sau đó, HS chia sẻ kết quả thực hiện với GV và cả lớp sau 2 tuần hoặc 1 tháng.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được các truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương; Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương; Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống quê hương một cách có hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được các truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương nhưng chưa đầy đủ; Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương nhưng chưa thường xuyên; Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống quê hương nhưng chưa hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được các truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương; Chưa thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương; Không có khả năng phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống quê hương; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Quan tâm, cảm thông và chia sẻ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.
- Hiểu được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.
- Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người.
- Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

- Nhân ái.
- Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GDCD 7, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).
 - + Tranh, hình ảnh có nội dung quan tâm, cảm thông và chia sẻ; các video liên quan đến quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Thực hiện trò chơi

- a) Mục tiêu:** Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS xác định được nội dung bài học về quan tâm, cảm thông và chia sẻ.
- b) Nội dung:** HS tham gia trò chơi theo nhóm.
- c) Sản phẩm:** HS kể được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ; biểu hiện của sự vô cảm đối với người khác.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV chia lớp thành 2 nhóm sau đó phổ biến luật chơi.

– Phổ biến thể lệ: Hai nhóm sẽ thi đua nhau kể tên biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ; biểu hiện của sự vô cảm trong một thời gian nhất định (gợi ý: 2 – 3 phút). Nhóm 1 sẽ kể tên những biểu hiện về sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Nhóm 2 sẽ kể về biểu hiện của sự vô cảm. Nhóm nào kể tên được nhiều biểu hiện hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV triển khai cho HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả nhóm thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Quan sát tranh

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Quan sát hai tranh vẽ dưới đây và cho biết em liên tưởng đến câu ca dao, tục ngữ nào thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

c) Sản phẩm: HS đoán được câu ca dao, tục ngữ:

– “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”.

– “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hai tranh vẽ và cho biết em liên tưởng đến câu ca dao, tục ngữ nào về quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS quan sát tranh vẽ và liên tưởng đến câu ca dao, tục ngữ về sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc câu chuyện

a) Mục tiêu: HS nhận biết được biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

b) Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong SGK tr.11 – 12 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS trình bày được các biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong SGK tr.11 – 12 và trả lời câu hỏi:

– Những chi tiết nào trong câu chuyện thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của Hiếu và Minh?

– Em cảm nhận gì sau khi đọc câu chuyện trên?

– Theo em, trong cuộc sống, sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ được biểu hiện như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc câu chuyện và trả lời 3 câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ được thể hiện qua lời nói, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, nụ cười,... hay những hành động hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

Nhiệm vụ 2. Quan sát các bức tranh sau và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được vai trò, tầm quan trọng của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các bức tranh trong SGK tr.12 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS giải thích được vì sao con người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các tranh trong SGK tr.12 và trả lời câu hỏi:

– Em có nhận xét gì về lời nói, hành động của các nhân vật trong bốn bức tranh trên?

– Theo em, vì sao trong cuộc sống, chúng ta cần phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ?

– Chúng ta cần làm gì để khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông, chia sẻ với người khác và phê phán thói ích kỷ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác một cách phù hợp?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS quan sát các tranh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ là những lời nói, ánh mắt, nụ cười, cử chỉ, điệu bộ,... hay những hành động hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

Nhiệm vụ 3. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS phân tích được tầm quan trọng của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ; trình bày được cách thức khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác cũng như phê phán thói ích kỷ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các bức tranh trong SGK tr.13 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS kể lại được câu chuyện theo các tranh trong SGK tr.13 và đặt tên cho câu chuyện, từ đó rút ra được bài học.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK tr.13 và thực hiện yêu cầu:

– Kể lại câu chuyện theo tranh.

– Đặt tên cho câu chuyện và rút ra bài học.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong thực hiện yêu cầu và mời một số HS khác cho ý kiến nhận xét đối với phần kể chuyện của bạn.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất.

- Quan tâm là thường xuyên chú ý đến người khác. Cảm thông là đặt mình vào vị trí của người khác, nhận biết và hiểu được cảm xúc của họ. Chia sẻ là sự đồng cảm, san sẻ với người khác khi gặp khó khăn, hoạn nạn theo khả năng của mình.
- Quan tâm, cảm thông, chia sẻ được thể hiện qua lời nói, ánh mắt, nụ cười, cử chỉ... hay những hành động hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau.
- Quan tâm, cảm thông, chia sẻ có ý nghĩa trong đời sống xã hội hiện nay. Qua đó, chúng ta có thể hỗ trợ, giúp đỡ và thấu hiểu lẫn nhau.
- Để rèn luyện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ cần quan sát, lắng nghe, đặt mình vào vị trí của người khác và luôn sẵn sàng giúp đỡ họ. Bản thân mỗi học sinh cần chủ động quan tâm, cảm thông, chia sẻ với người khác và động viên, khích lệ bạn bè cùng thực hiện. Đồng thời, cần góp ý, phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Đọc tình huống

a) Mục tiêu: HS biết phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác và thực hiện được những hành động, lời nói cụ thể để thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ với bố mẹ, người thân trong gia đình.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống trong SGK tr.14 – 15 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS biết phê phán thói ích kỉ, thờ ơ của T và xác định được những hành động, lời nói cụ thể để thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ với bố mẹ, người thân trong gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống và thực hiện yêu cầu:

– Nêu suy nghĩ của em về việc làm của T trong tình huống trên.

– Hãy kể lại những hành động, lời nói thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ của em với bố mẹ, người thân trong gia đình.

- * Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc tình huống và thực hiện yêu cầu.
- * Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.
- * Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Sắm vai tình huống

a) Mục tiêu: HS biết phê phán thói ích kỷ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác và khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông, chia sẻ với người khác. Đồng thời, đánh giá được mức độ quan tâm, cảm thông, chia sẻ với người khác của bản thân.

b) Nội dung: Sắm vai tình huống trong SGK tr.15 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS sắm vai được theo tình huống và phê phán hành động của M. Đồng thời, đánh giá được mức độ quan tâm, cảm thông, chia sẻ với người khác của bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS sắm vai và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nhận xét hành động của M, động viên bạn ấy quan tâm, cảm thông, chia sẻ với cô lao công và những người khác.

– Hãy tự đánh giá về sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ của em với người khác trong những tháng gần đây.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc tình huống, sắm vai và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 nhóm HS lên sắm vai.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những cách thể hiện phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Làm sản phẩm

a) Mục tiêu: HS thiết kế một sản phẩm (tấm thiệp, bài thơ,...) để thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ và gửi đến người mà em yêu quý.

b) Nội dung: Em hãy làm một sản phẩm cụ thể (như tấm thiệp, bài thơ,...) để thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ và gửi đến người mà em yêu quý trong gia đình, dòng họ, hàng xóm hay một nhân vật em cảm kích trong cuộc sống.

c) Sản phẩm: HS thiết kế được một sản phẩm cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thiết kế sản phẩm cụ thể (như tấm thiệp, bài thơ,...) thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ và gửi đến người mà em yêu quý trong gia đình, dòng họ, hàng xóm hay một nhân vật em cảm kích trong cuộc sống.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS thiết kế sản phẩm.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS giới thiệu sản phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS.

Nhiệm vụ 2. Viết một đoạn văn

a) Mục tiêu: HS thực hiện được lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

b) Nội dung: Em hãy viết một đoạn văn và thuyết trình trước lớp về giá trị của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

c) Sản phẩm: HS viết một đoạn văn và thuyết trình trước lớp về giá trị của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS viết một đoạn văn và thuyết trình trước lớp về giá trị của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS viết đoạn văn.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được các biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; Lí giải được đầy đủ tầm quan trọng của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ; Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người; Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; Phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát và cảm xúc của người khác một cách có hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được các biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác nhưng chưa đầy đủ; Lí giải chưa đầy đủ tầm quan trọng của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ; Có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người nhưng chưa thường xuyên; Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; Phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát và cảm xúc của người khác nhưng chưa hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được các biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; Chưa lí giải được tầm quan trọng của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ; Chưa có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người; Không có khả năng khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; Phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát và cảm xúc của người khác; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.
- Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực.
- Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực.
- Biết góp ý, nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực.
- Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GDCC 7, SGK, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).
 - + Tranh, hình ảnh, video có nội dung về học tập tự giác, tích cực.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Đọc nhận định và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy đọc nhận định: “Học tập là hạt giống của kiến thức, kiến thức là hạt giống của hạnh phúc.” (Ngạn ngữ Gruzia) và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nêu được ý nghĩa của nhận định trên và giá trị của việc học tập tự giác, tích cực.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nhận định trên và trả lời câu hỏi:

Theo em, những nhận định dưới đây có liên quan gì đến học tập tự giác, tích cực? Vì sao?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc nhận định và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Nghe bài hát

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy cùng hát và vỗ tay theo nhịp bài hát “Hồng dấm đầu” của nhạc sĩ Nguyễn Văn Hiền và rút ra được thông điệp về việc học tập.

c) Sản phẩm: HS hát tập thể và rút ra thông điệp tích cực, siêng năng cố gắng trong học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS hát và vỗ tay theo nhịp bài hát “Hồng dấm đầu” của nhạc sĩ Nguyễn Văn Hiền và rút ra thông điệp của bài hát.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS hát và vỗ tay theo nhịp và suy nghĩ nêu thông điệp.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS thực hiện giới thiệu và hát bài hát lồng ghép với chủ đề học tập tự giác, tích cực.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc câu chuyện

a) Mục tiêu: HS nhận biết được biểu hiện của việc học tập tự giác, tích cực.

b) Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong SGK tr.16 – 17 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận biết được biểu hiện của việc học tập tự giác, tích cực.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong SGK tr.16 – 17 và trả lời câu hỏi:

– *Những biểu hiện tự giác, tích cực học tập của nhà thơ Nguyễn Khuyến trong câu chuyện trên được thể hiện như thế nào?*

– *Việc tự giác, tích cực học tập đã đem lại kết quả gì cho nhà thơ Nguyễn Khuyến?*

– *Tự giác, tích cực trong học tập còn có những biểu hiện nào?*

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc câu chuyện và trả lời 3 câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận: biểu hiện của học tập tự giác, tích cực là luôn chủ động, nỗ lực hết mình, không đợi chờ người khác nhắc nhở, không ngại khó khăn để hoàn thành mục tiêu học tập.

Nhiệm vụ 2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của việc học tập tự giác, tích cực và biết cách góp ý, nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa tự giác, tích cực.

b) Nội dung: Em hãy quan sát những tranh trong SGK tr.17 – 18 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS phân biệt được biểu hiện học tập tự giác, tích cực và biểu hiện không học tập tự giác, tích cực.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK tr.17 – 18 và trả lời câu hỏi:

– Bức tranh nào thể hiện tính tự giác, tích cực học tập và chưa tự giác, tích cực học tập?

– Để rèn luyện tính tự giác, tích cực trong học tập, em phải làm gì?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS chọn tranh phù hợp theo suy nghĩ của bản thân.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được biểu hiện, tầm quan trọng của việc học tập tự giác, tích cực và biết cách nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực trong học tập.

b) Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr.18 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận biết được biểu hiện, tầm quan trọng của việc học tập tự giác, tích cực và biết cách nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực trong học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr.18 và trả lời câu hỏi:

– Em có suy nghĩ gì về việc làm của các bạn N, H, T?

– Vì sao học sinh cần phải tự giác, tích cực trong học tập?

– Theo em, nên góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 bạn HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất.

- Học tập tự giác, tích cực là chủ động thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhiệm vụ học tập đã đề ra.
- Học tập tự giác, tích cực được thể hiện qua việc xác định đúng mục đích học tập; lập thời gian biểu khoa học, hợp lí; quyết tâm thực hiện các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.
- Học tập tự giác, tích cực giúp chúng ta có thêm kiến thức, mở rộng hiểu biết, gặt hái nhiều thành công và được mọi người thừa nhận, tôn trọng.
- Học sinh phải rèn luyện tính tự giác, tích cực trong học tập; đồng thời cần nhắc nhở và giúp đỡ những bạn chưa tự giác, tích cực trong học tập để cùng nhau tiến bộ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS xác định được các hành động trái với tính tự giác, tích cực trong học tập và hậu quả của những hành động đó.

b) Nội dung: Hãy tìm các ví dụ trái với tính tự giác, tích cực trong học tập. Những hành động đó sẽ dẫn đến hậu quả như thế nào?

c) Sản phẩm: HS tìm được ví dụ trái với tinh thần tự giác, tích cực trong học tập và chỉ ra được hậu quả của những hành động đó.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm ví dụ trái với tinh thần tự giác, tích cực trong học tập và trả lời câu hỏi: *Những hành động đó sẽ dẫn đến hậu quả như thế nào?*

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS thực hiện được hành động tự giác, tích cực trong học tập bằng những việc làm cụ thể.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi trong SGK tr.19.

c) Sản phẩm: HS quyết tâm tự giác, tích cực trong học tập thông qua tình huống cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK tr.19 và trả lời câu hỏi:

– Nếu là N, em sẽ ứng xử như thế nào?

– Em có nhận xét gì về tính tự giác, tích cực học tập của bản thân?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc tình huống và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những câu trả lời phù hợp.

Nhiệm vụ 3. Thuyết trình ngắn

a) Mục tiêu: HS xây dựng được ước mơ của bản thân và xác định được vai trò của tính tự giác, tích cực trong học tập.

b) Nội dung: Dựa vào các bức tranh trong SGK tr.20, em hãy xây dựng dàn ý và thực hiện bài thuyết trình ngắn với chủ đề “Hành trình vươn đến ước mơ”. Từ đó, nêu lên ý nghĩa của tính tự giác, tích cực trong học tập.

c) Sản phẩm: HS thực hiện được bài thuyết trình và xác định được ý nghĩa của tính tự giác, tích cực trong học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát tranh, xây dựng dàn ý và thực hiện bài thuyết trình ngắn với chủ đề “Hành trình vươn đến ước mơ”.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS quan sát các bức tranh và xây dựng dàn ý bài thuyết trình.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 bạn HS trình bày bài thuyết trình của mình và nêu lên ý nghĩa của tinh thần tự giác, tích cực trong học tập.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Lập kế hoạch

a) Mục tiêu: HS nêu cao tinh thần tự giác, tích cực trong học tập bằng những việc làm cụ thể hằng ngày.

b) Nội dung: Em hãy lập bảng kế hoạch học tập cho năm học này và những việc làm cụ thể về tính tự giác, tích cực trong học tập.

c) Sản phẩm: HS lập được bảng kế hoạch với thời gian biểu và những việc làm cụ thể để rèn luyện tự giác, tích cực trong học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS lập bảng kế hoạch học tập cho năm học này và những việc làm cụ thể về tính tự giác, tích cực trong học tập.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS chia sẻ bảng kế hoạch của mình và mời các HS khác tham gia phát biểu ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận.

Nhiệm vụ 2. Kết hợp với bạn trong lớp cùng nhau góp ý, nhắc nhở nhau trong học tập

a) Mục tiêu: HS vận dụng và thực hiện tính tự giác, tích cực trong học tập bằng những việc làm cụ thể để cùng góp ý, nhắc nhở nhau trong học tập, chia sẻ trước lớp về kết quả đạt được sau một tháng.

b) Nội dung: Em hãy kết hợp với một bạn trong lớp để cùng góp ý, nhắc nhở nhau trong học tập và chia sẻ trước lớp về kết quả đạt được sau một tháng.

c) Sản phẩm: HS kết hợp với một bạn trong lớp để cùng góp ý, nhắc nhở nhau trong học tập và chia sẻ trước lớp về kết quả đạt được sau một tháng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS kết hợp với một bạn trong lớp để cùng góp ý, nhắc nhở nhau trong học tập và chia sẻ trước lớp về kết quả đạt được sau một tháng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS chia sẻ sản phẩm của mình và mời các HS khác tham gia đóng góp ý kiến.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS tự giác, tích cực trong học tập.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ biểu hiện và ý nghĩa của tính tự giác, tích cực trong học tập; Thực hiện được những việc làm thể hiện tính tự giác, tích cực trong học tập; Góp ý, nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục một cách hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được biểu hiện và ý nghĩa của tính tự giác, tích cực trong học tập nhưng còn chưa đầy đủ; Thực hiện được những việc làm thể hiện tính tự giác, tích cực trong học tập nhưng chưa thường xuyên; Góp ý, nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa tự giác, tích cực trong học tập để khắc phục nhưng chưa hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được biểu hiện và ý nghĩa của tính tự giác, tích cực trong học tập; Chưa thực hiện được những việc làm thể hiện tính tự giác, tích cực trong học tập; Không có khả năng góp ý, nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.
- Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.
- Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người khác một cách có trách nhiệm.
- Phê phán những người không tôn trọng chữ tín, không biết giữ chữ tín.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực.
- Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GDCC 7, SGK, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.
 - + Các tranh, hình ảnh, video có nội dung về giữ chữ tín; các video liên quan đến giữ chữ tín.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Đối mặt*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi *Đối mặt*: kể tên những hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.

c) Sản phẩm: HS chơi trò chơi tích cực và kể tên được những hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV có thể tổ chức cho HS chơi và chia lớp thành 2 đội.

– Phổ biến thể lệ: Hai đội sẽ kể tên xen kẽ những hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín trong một thời gian nhất định (gợi ý: 3 – 4 phút). Đội 1 sẽ kể tên những hành vi giữ chữ tín, đội 2 sẽ kể những hành vi không giữ chữ tín. Hết thời gian quy định, đội nào kể tên được nhiều hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV triển khai cho HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học.

Nhiệm vụ 2. Quan sát tranh

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát bức tranh dưới đây và cho biết lời dạy của bà để cập đến đức tính nào của con người?

c) Sản phẩm: HS rút ra được những bài học liên quan đến giữ chữ tín.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu: *Quan sát bức tranh trong SGK tr.21 và cho biết lời dạy của bà để cập đến đức tính nào của con người?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc câu chuyện

a) Mục tiêu: HS nhận biết được thế nào là giữ chữ tín, biểu hiện của giữ chữ tín.

b) Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong SGK tr.21 – 22 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận biết được thế nào là giữ chữ tín, biểu hiện của giữ chữ tín.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV tổ chức cho cả lớp làm việc cá nhân, đọc thầm câu chuyện “Chữ tín của chị bán vé số”. GV cho 1 HS đọc/ kể lại câu chuyện to rõ ràng cho cả lớp cùng nghe và trả lời câu hỏi SGK tr. 22:

– Em hãy cho biết chi tiết nào trong câu chuyện cho thấy chị Lành là người giữ chữ tín?

– Thế nào là giữ chữ tín?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện nhiệm vụ.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra khái niệm và biểu hiện giữ chữ tín: Giữ chữ tín là coi trọng lòng tin của mọi người đối với mình; biểu hiện của giữ chữ tín là biết giữ lời hứa, trung thực, đúng hẹn, hoàn thành nhiệm vụ.

Nhiệm vụ 2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín; nêu được ý nghĩa của việc giữ chữ tín.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các bức tranh trong SGK tr.22 – 23 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín; nêu được ý nghĩa của việc giữ chữ tín.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh trong SGK tr.22 – 23 và trả lời câu hỏi:

– Bức tranh nào thể hiện giữ chữ tín và chưa giữ chữ tín? Hãy phân biệt hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.

– Vì sao chúng ta phải có trách nhiệm giữ chữ tín với người thân, thầy cô, bạn bè và người xung quanh?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS quan sát tranh và suy nghĩ trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp, kết luận.

– Hình 1, 2, 3 giữ chữ tín; hình 4 chưa giữ chữ tín.

– Hành vi giữ chữ tín là biết giữ lời hứa, trung thực, đúng hẹn, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

– Chữ tín trong cuộc sống vô cùng quan trọng. Người biết giữ chữ tín sẽ được mọi người yêu quý, kính nể và dễ dàng hợp tác với nhau,... Người không giữ chữ tín sẽ không được mọi người tin tưởng và khó có được các mối quan hệ thân thiết, tích cực.

Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS biết phê phán những người không tôn trọng chữ tín, không biết giữ chữ tín.

b) Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr.23:

– Trong buổi sinh nhật của em, N, M và L đến muộn gần 45 phút mà không báo trước và cũng không xin lỗi.

– Em tìm quả bóng để chơi mà không thấy. Thì ra, H mượn một tuần trước và hứa cuối tuần trả nhưng lại quên.

– Chiều nay, do mãi chơi với nhóm bạn, K đã quên nhiệm vụ đón em gái đi học về như lời bố dặn.

c) Sản phẩm: HS đọc các trường hợp và trả lời các câu hỏi trong SGK tr.23.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

– Em có suy nghĩ gì khi gặp các trường hợp trên?

– Theo em, những người không biết giữ chữ tín, không tôn trọng chữ tín có đáng bị phê phán không? Vì sao?

– Làm thế nào để luôn giữ chữ tín với người thân, thầy cô, bạn bè?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc các trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.

- Chữ tín là sự tin tưởng, niềm tin giữa người với người. Giữ chữ tín là coi trọng lòng tin của mọi người đối với mình.
- Biểu hiện của việc giữ chữ tín là biết giữ lời hứa, đúng hẹn, trung thực, hoàn thành nhiệm vụ,...
- Chữ tín trong cuộc sống vô cùng quan trọng. Người biết giữ chữ tín sẽ được mọi người yêu quý, kính nể và dễ dàng hợp tác với nhau,... Người không giữ chữ tín sẽ không được mọi người tin tưởng và khó có được các mối quan hệ thân thiết, tích cực. Việc giữ chữ tín giúp chúng ta có thêm ý chí, nghị lực và tự hoàn thiện bản thân.
- Để rèn luyện việc giữ chữ tín, chúng ta phải giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người khác một cách có trách nhiệm; đồng thời phê phán những người không tôn trọng chữ tín, không biết giữ chữ tín.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Tìm ca dao, tục ngữ

a) Mục tiêu: HS trình bày được ý nghĩa của việc giữ chữ tín; thực hiện được việc giữ chữ tín đối với người thân, thầy cô, bạn bè và người khác.

b) Nội dung: Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ về giữ chữ tín ứng với các bức tranh sau và rút ra ý nghĩa.

c) Sản phẩm: HS đọc các câu ca dao, tục ngữ về giữ chữ tín và rút ra được ý nghĩa của từng câu.

– Nói lời thì giữ lấy lời

Đừng như con bướm đậu rồi lại bay

– Chắc như đinh đóng cột

– Chữ tín quý hơn vàng

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV tổ chức trò chơi yêu cầu HS quan sát tranh, tìm những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ và nêu ý nghĩa.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín; biết phê phán những hành vi không tôn trọng chữ tín, không biết giữ chữ tín.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr.25 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín; đưa ra lời khuyên chân thành đối với những bạn chưa giữ chữ tín.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK tr.25 và trả lời câu hỏi:

– Theo em, trong các tình huống trên, bạn nào biết giữ chữ tín, bạn nào chưa biết giữ chữ tín? Vì sao?

– Em có lời khuyên gì với những bạn chưa biết giữ chữ tín trong các tình huống trên?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và chọn những câu phát biểu hay của HS về lời khuyên đối với những bạn chưa giữ chữ tín.

Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS biết phê phán đối với những hành vi không tôn trọng chữ tín, không biết giữ chữ tín; quyết tâm thực hiện hành động giữ chữ tín.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr.26 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS kể tên được những mặt hàng Việt Nam chất lượng cao, có uy tín với người tiêu dùng trong và ngoài nước; nêu được suy nghĩ về những hành vi sản xuất, kinh doanh các mặt hàng kém chất lượng, không đảm bảo uy tín với khách hàng; viết đoạn văn (7 – 10 dòng) với lời hứa về việc giữ chữ tín nếu em là người sản xuất, kinh doanh trong tương lai.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr.26 và thực hiện yêu cầu:

– Tìm và kể tên những mặt hàng Việt Nam chất lượng cao, có uy tín với người tiêu dùng trong và ngoài nước.

– Nêu suy nghĩ của em về những hành vi sản xuất, kinh doanh các sản phẩm kém chất lượng, không đảm bảo uy tín với khách hàng.

– Viết đoạn văn (7 – 10 dòng) với lời hứa về việc giữ chữ tín nếu em là người sản xuất, kinh doanh trong tương lai.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp; GV liên hệ thực tế giới thiệu với HS những hình ảnh, thông tin về những mặt hàng của Việt Nam chất lượng cao được vinh danh trong và ngoài nước.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, chọn đoạn văn hay của HS chia sẻ trước lớp và rút ra kết luận phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thiết kế sản phẩm

a) Mục tiêu: HS vận dụng được những nội dung đã học, quyết tâm và thực hiện được những hành động cụ thể về việc giữ chữ tín với người thân, thầy cô, bạn bè và người khác.

b) Nội dung: Em hãy thiết kế sổ nhắc việc hoặc bảng ghi chú để ghi chép lời hứa với bản thân hoặc người khác, hãy kiểm tra lại kết quả thực hiện sau một tháng.

c) Sản phẩm: Sổ nhắc việc hoặc bảng ghi chú để ghi chép lời hứa với bản thân hoặc người khác, hãy kiểm tra lại kết quả thực hiện sau một tháng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thiết kế sổ nhắc việc hoặc bảng ghi chú để ghi chép lời hứa với bản thân hoặc người khác, hãy kiểm tra lại kết quả thực hiện sau một tháng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ sản phẩm trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra những lưu ý khi thiết kế sản phẩm. Những sản phẩm của HS đều được trân trọng, ghi nhận thái độ tích cực trong học tập của các em để có sự đánh giá chính xác vào cuối học kì.

Nhiệm vụ 2. Thiết kế thông điệp

a) Mục tiêu: HS thiết kế một thông điệp (đoạn văn, câu khẩu hiệu, tranh vẽ,...) và trình bày trước lớp nhằm kêu gọi bạn bè thực hiện thói quen đúng giờ.

b) Nội dung: HS thiết kế được thông điệp dưới dạng đoạn văn, câu khẩu hiệu, tranh vẽ,... và trình bày trước lớp nhằm kêu gọi bạn bè thực hiện thói quen đúng giờ.

c) Sản phẩm: Thông điệp của HS có thể thể hiện qua đoạn văn, câu khẩu hiệu, tranh vẽ,...

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thiết kế một thông điệp dưới dạng đoạn văn, câu khẩu hiệu, tranh vẽ,... và trình bày trước lớp nhằm kêu gọi bạn bè thực hiện thói quen đúng giờ.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra những lưu ý cần thiết.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được khái niệm về giữ chữ tín, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín; phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín; Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người khác một cách có trách nhiệm; Phê phán những người không tôn trọng chữ tín, không biết giữ chữ tín một cách hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được khái niệm về giữ chữ tín, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín nhưng chưa đầy đủ; Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín; Giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người khác nhưng chưa thường xuyên; Phê phán những người không tôn trọng chữ tín, không biết giữ chữ tín nhưng chưa hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành:

Chưa nêu được khái niệm về giữ chữ tín, chưa biết biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín; Chưa phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín; Chưa giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người khác; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.
- Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.
- Nêu được quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá.
- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá.
- Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.
- Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi, để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm.
- Yêu nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GDCD 7, SGK, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.
 - + Các tranh, hình ảnh và video/ clip thể hiện nội dung về bảo tồn di sản văn hoá.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Thực hiện trò chơi

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi *Ai nhanh hơn*: kể tên những di sản văn hoá ở Việt Nam.

c) Sản phẩm: HS chơi trò chơi tích cực và kể tên được những di sản văn hoá ở Việt Nam:

- Hoàng thành Thăng Long.
- Thành nhà Hồ.
- Phố Cổ Hội An.
- Thánh địa Mỹ Sơn.
- Cố đô Huế.

– ...

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

- GV có thể tổ chức cho HS chơi cá nhân hoặc chia lớp thành các đội.
- Phổ biến thể lệ: Kể tên một số di sản văn hoá của Việt Nam trong một thời gian nhất định (gợi ý: 2 – 3 phút). Đội nào kể tên được nhiều di sản văn hoá hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV triển khai cho HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học.

Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS; giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr.27 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS trình bày được cảm nhận của mình về di sản văn hoá đờn ca tài tử Nam Bộ và kể tên được một số di sản văn hoá khác.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr.27 và trả lời câu hỏi:

- Em cảm nhận như thế nào về đờn ca tài tử Nam Bộ?
- Ngoài đờn ca tài tử Nam Bộ, em còn biết những di sản văn hoá nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 HS trả lời câu hỏi và các HS khác nhận xét và bổ sung.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu tên được một số di sản văn hoá Việt Nam và trình bày được nội dung của di sản văn hoá đó.

b) Nội dung: Em hãy quan sát hình ảnh trong SGK tr.28 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nêu tên được một số di sản văn hoá của Việt Nam (Cổng Ngọ Môn và lầu Ngũ Phụng, Chùa cầu Hội An, Dân ca quan họ Bắc Ninh, Cổng chiêng Tây Nguyên) và trình bày được sự hiểu biết của mình về các di sản văn hoá đó.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:

Em hãy nêu tên các di sản văn hoá ứng với các hình sau. Em biết gì về các di sản văn hoá đó?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS quan sát hình ảnh trong SGK tr.28 và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả đã thực hiện.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất.

Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm của di sản văn hoá; ý nghĩa của di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr.28 – 29 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nêu được khái niệm của di sản văn hoá, ý nghĩa của di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr.28 – 29 và trả lời câu hỏi:

– Thế nào là di sản văn hoá?

– Có mấy loại di sản văn hoá? Cho ví dụ về mỗi loại.

– Di sản văn hoá có ý nghĩa như thế nào đối với con người và xã hội?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi và các HS khác nhận xét bổ sung.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất.

Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS hiểu được quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn di sản văn hoá.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr.29 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS trình bày được một số ví dụ cụ thể về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn di sản văn hoá.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr.29 và thực hiện yêu cầu.

Hãy lấy ví dụ cụ thể về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn di sản văn hoá.

- * Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.
- * Tổ chức, điều hành: GV cho thời gian để HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.
- * Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất.

Nhiệm vụ 4. Thảo luận nhóm

a) Mục tiêu: HS nhận biết được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.

b) Nội dung: Em hãy thảo luận về các hành vi trong SGK tr.30 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS nhận biết được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá (câu a, b, e, g là những việc làm về bảo tồn di sản văn hoá; câu c, d là vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá) và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận các vấn đề trong SGK tr.30 và thực hiện yêu cầu:

– Nêu hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.

– Đề xuất những việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thảo luận và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

- Di sản văn hoá là sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu truyền từ đời này sang đời khác.
- Di sản văn hoá bao gồm: di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể.
- Di sản văn hoá là tài sản của dân tộc; thể hiện công sức, kinh nghiệm sống của dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đóng vai trò rất quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; góp phần làm phong phú kho tàng di sản văn hoá thế giới.
- Theo quy định của Luật Di sản văn hoá năm 2001, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - + Sở hữu hợp pháp di sản văn hoá;
 - + Tham quan, nghiên cứu di sản văn hoá;
 - + Tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;
 - + Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất;

- + Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hoá;
- Mỗi học sinh cần phải tôn trọng, tự hào, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc; đồng thời chấp hành, tuyên truyền quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Tìm câu ca dao, tục ngữ

a) Mục tiêu: HS tìm được những câu ca dao, tục ngữ về di sản văn hoá của Việt Nam.

b) Nội dung: Hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ về di sản văn hoá của Việt Nam.

c) Sản phẩm:

- Tháng giêng giỗ Thánh Sóc Sơn,
Tháng ba giỗ tổ Hùng Vương nhớ về.
- Ai ơi mồng chín tháng tư
Không đi hội Gióng cũng hư mất đời.
- Cổ Loa là đất đế kinh,
Trông ra lại thấy toà thành tiên xây.

d) Tổ chức thực hiện:

- * Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ về di sản văn hoá Việt Nam.
- * Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.
- * Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS lên trình bày.
- * Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết, rút ra câu trả lời phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Đọc tình huống

a) Mục tiêu: HS biết phê phán những hành vi phá hoại di sản văn hoá.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống trong SGK tr.31 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

- * Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK tr.31 và trả lời câu hỏi:
Em có nhận xét gì về suy nghĩ của các bạn học sinh trong tình huống sau?
- * Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- * Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời và cả lớp nhận xét, bổ sung.
- * Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những câu trả lời phù hợp.

Nhiệm vụ 3. Sắm vai và xử lý tình huống

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá.

b) Nội dung: Đọc tình huống trong SGK tr.31 để sắm vai và xử lý tình huống sau.

c) Sản phẩm: HS sắm vai và xử lý được tình huống trong SGK tr.31.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS sắm vai và xử lý tình huống trong SGK tr.31.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS lên trình bày sản phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, hỗ trợ để HS hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

Nhiệm vụ 4. Viết đoạn văn

a) Mục tiêu: HS bày tỏ niềm tự hào về di sản văn hoá Việt Nam, nêu các việc làm cụ thể của bản thân góp phần bảo tồn di sản văn hoá.

b) Nội dung: Em hãy viết đoạn văn (7 – 10 dòng) bày tỏ niềm tự hào về di sản văn hoá Việt Nam và nêu các việc làm cụ thể của bản thân góp phần bảo tồn di sản văn hoá.

c) Sản phẩm: HS viết được đoạn văn bày tỏ niềm tự hào về di sản văn hoá Việt Nam và nêu các việc làm cụ thể của bản thân góp phần bảo tồn di sản văn hoá.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu HS đọc yêu cầu trong SGK tr.31 và thực hiện nhiệm vụ:

Em hãy viết đoạn văn (7 – 10 dòng) bày tỏ niềm tự hào về di sản văn hoá Việt Nam và nêu các việc làm cụ thể của bản thân góp phần bảo tồn di sản văn hoá.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian để thực hiện nhiệm vụ.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS lên trình bày.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, hỗ trợ để HS hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thiết kế thiệp

a) Mục tiêu: HS thực hiện được hành động cụ thể để bảo tồn di sản văn hoá.

b) Nội dung: Em hãy thiết kế tấm thiệp để giới thiệu với bạn bè về Tết cổ truyền Việt Nam như một di sản văn hoá.

c) Sản phẩm: HS thiết kế thiệp để giới thiệu với bạn bè về Tết cổ truyền Việt Nam như một di sản văn hoá.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu tất cả HS thiết kế tấm thiệp để giới thiệu với bạn bè về Tết cổ truyền Việt Nam như một di sản văn hoá.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu. GV hướng dẫn HS cách thiết kế mẫu thiếp phù hợp (kiểu dáng, màu sắc, cách sắp xếp,...)

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS lên chia sẻ sản phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt của HS; động viên khích lệ những em làm chưa phù hợp và hướng dẫn cách điều chỉnh.

Nhiệm vụ 2. Làm sản phẩm

a) Mục tiêu: HS thực hiện việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo tồn di sản văn hoá.

b) Nội dung: Vận dụng các nội dung đã học về việc bảo tồn di sản văn hoá, em hãy thực hiện một trong hai yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS sưu tầm được các tranh ảnh đẹp về di sản văn hoá Việt Nam và tạo thành cuốn sách ảnh hoặc thực hiện một đoạn phim ngắn về di sản văn hoá tại địa phương em để giới thiệu với bạn bè.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm các tranh ảnh đẹp về di sản văn hoá Việt Nam và tạo thành cuốn sách ảnh hoặc thực hiện một đoạn phim ngắn về di sản văn hoá tại địa phương em để giới thiệu với bạn bè.*

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu. GV hướng dẫn HS cách lựa chọn tư liệu về di sản văn hoá Việt Nam, cách chọn lọc đưa thêm âm nhạc vào video cho sinh động.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS lên chia sẻ sản phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt của HS, nhằm phổ biến toàn trường, quảng bá sản phẩm tốt của HS nhằm gợi lên niềm tự hào cho tất cả HS của trường về di sản văn hoá Việt Nam. Bên cạnh sản phẩm thì thái độ ý thức học tập của HS cũng được giáo viên ghi nhận đánh giá trong mỗi dịp cuối học kì.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam; Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội; Nêu được quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo tồn di sản văn hoá; Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá; Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó; Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá một cách hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam nhưng chưa đầy đủ; Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội nhưng chưa trọn vẹn; Nêu được quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá nhưng chưa đầy đủ; Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá nhưng chưa đầy đủ; Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó; Thực hiện một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá nhưng chưa thường xuyên; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam; Chưa giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người, xã hội và những quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá; Chưa nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá và chưa liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá cũng như cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó; Chưa thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.





Nhận diện tình huống gây căng thẳng

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng.
- Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.
- Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực.
- Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GD CD 7, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.
 - + Các tranh, hình ảnh, các video liên quan đến tình huống gây căng thẳng.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Thực hiện trò chơi

a) **Mục tiêu:** Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS xác định được vấn đề bài học về nhận diện tình huống gây căng thẳng.

b) **Nội dung:** HS tham gia trò chơi *Tiếp sức đồng đội*.

c) **Sản phẩm:** HS tham gia trò chơi tích cực và kể tên được các tình huống gây căng thẳng trong học tập và cuộc sống hằng ngày.

d) **Tổ chức thực hiện:**

* Giao nhiệm vụ:

– GV chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm có 3 HS đại diện tham gia trò chơi, sau đó phổ biến luật chơi.

– Phổ biến thể lệ: Hai nhóm sẽ thi đua nhau kể tên các tình huống gây căng thẳng trong một thời gian nhất định (gợi ý: 3 – 4 phút). Mỗi thành viên của nhóm, mỗi lần chỉ được kể một tình huống gây căng thẳng tiến hành kể xen kẽ với nhau. Các thành viên cùng nhóm sẽ hỗ trợ nhau khi tham gia trò chơi. Nhóm nào kể tên được nhiều tình huống gây căng thẳng hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV triển khai cho HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nhận xét và công bố kết quả nhóm thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Viết ra giấy

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS; giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy viết ra giấy những nội dung SGK tr.32 và chia sẻ với người bạn của em.

c) Sản phẩm: HS viết ra giấy ba điều em sợ nhất, ba điều em ghét nhất, ba điều khiến cho em mệt mỏi nhất, ba điều em muốn thay đổi nhất và chia sẻ với người bạn của em.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS viết ra giấy những nội dung trong SGK tr.32 và chia sẻ với bạn của em.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS suy nghĩ và viết ra giấy các nội dung sau:

- Ba điều em sợ nhất;
- Ba điều em ghét nhất;
- Ba điều khiến cho em mệt mỏi nhất;
- Ba điều mà em muốn thay đổi nhất.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu bài làm của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận diện được các tình huống gây căng thẳng.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các tranh trong SGK tr.32 – 33 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận diện được các tình huống gây căng thẳng trong cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các tranh trong SGK tr.32 – 33 và trả lời câu hỏi:

– Theo em, tình huống nào có thể dẫn đến căng thẳng cho các nhân vật trong tranh?

– Trong cuộc sống, em đã gặp những tình huống nào dẫn đến căng thẳng? Hãy chia sẻ cảm xúc của em khi gặp tình huống ấy.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra các nhận diện tình huống gây căng thẳng.

Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận diện được nguyên nhân gây căng thẳng và biểu hiện về mặt cơ thể khi gặp tình huống gây căng thẳng.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp trong SGK tr.33 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận diện được nguyên nhân gây căng thẳng và biểu hiện về mặt cơ thể khi gặp tình huống gây căng thẳng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr.33 và trả lời câu hỏi:

– Vì sao H không thể tập trung làm bài kiểm tra?

– Khi bị căng thẳng, cơ thể em có những biểu hiện gì?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận: Những biểu hiện của căng thẳng: thường xuyên đau đầu, đau cơ bắp, đau bụng, đổ mồ hôi, chóng mặt,...; đảo lộn các sinh hoạt hằng ngày như ăn uống hoặc giấc ngủ; mất tập trung, hay quên hoặc trở nên vụng về; cảm thấy khó chịu, lo lắng, buồn bã, chán nản, thờ ơ; dễ nổi cáu, bực bội hoặc nóng tính.

Nhiệm vụ 3. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS trình bày được nguyên nhân gây căng thẳng và hậu quả của căng thẳng.

b) Nội dung: Em hãy quan sát tranh và cho biết nguyên nhân, hậu quả của những trường hợp trong SGK tr.33.

c) Sản phẩm: HS trình bày được nguyên nhân và hậu quả của căng thẳng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát tranh và cho biết nguyên nhân, hậu quả của tình huống gây căng thẳng.

- * Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS quan sát tranh và suy nghĩ câu trả lời.
- * Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 bạn HS xung phong phát biểu câu trả lời.
- * Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất: suy nghĩ tiêu cực, thiếu kĩ năng ứng phó với căng thẳng trong cuộc sống, tự tạo áp lực cho bản thân, bạo lực gia đình, mất ngủ, rối loạn nội tiết,...

- Căng thẳng là phản ứng của cơ thể trước những áp lực cuộc sống hay một yếu tố tác động nào đó gây ảnh hưởng xấu đến thể chất lẫn tinh thần của con người.
- Những biểu hiện của căng thẳng:
 - + Thường xuyên đau đầu, đau cơ bắp, đau bụng, đổ mồ hôi, chóng mặt,...
 - + Đảo lộn các sinh hoạt hằng ngày như ăn uống, giấc ngủ;
 - + Mất tập trung, hay quên hoặc trở nên vụng về;
 - + Cảm thấy chán nản, lo lắng, khó chịu, buồn bã, thờ ơ;
 - + Dễ nổi cáu, bực bội hoặc nóng tính,...
- Nguyên nhân chính gây căng thẳng:
 - + Nguyên nhân chủ quan: suy nghĩ tiêu cực, thiếu kĩ năng ứng phó với căng thẳng trong cuộc sống, tự tạo áp lực cho bản thân, mất ngủ, sử dụng chất kích thích,...
 - + Nguyên nhân khách quan: môi trường sống (thời tiết, tiếng ồn, ô nhiễm,...), kì vọng của bố mẹ, áp lực học tập, thi cử, bạo lực gia đình, bạo lực học đường,...
- Căng thẳng tác động xấu đến sức khỏe (hệ thần kinh, hệ cơ, hệ tim mạch,...), gây nên những rối loạn về mặt tinh thần, làm ảnh hưởng đến mối quan hệ với mọi người xung quanh và đến việc học tập, lao động.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Liệt kê tình huống

a) Mục tiêu: HS xác định được các tình huống gây căng thẳng mà học sinh thường gặp.

b) Nội dung: Em hãy liệt kê các tình huống gây căng thẳng mà học sinh thường gặp.

c) Sản phẩm: HS nhận diện được những tình huống gây căng thẳng thường gặp trong trường học.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS hãy liệt kê các tình huống gây căng thẳng mà học sinh thường gặp.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp: một số tình huống gây căng thẳng mà HS thường gặp như bắt nạt học đường, bị đe dọa, áp lực thi cử, áp lực từ gia đình,...

Nhiệm vụ 2. Đọc tình huống và nêu nguyên nhân

a) Mục tiêu: HS chỉ ra được nguyên nhân gây căng thẳng.

b) Nội dung: HS đọc tình huống trong SGK tr.34 – 35 và nêu nguyên nhân gây căng thẳng cho H.

c) Sản phẩm: HS chỉ ra được nguyên nhân gây căng thẳng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK tr.34 – 35 và thực hiện yêu cầu:

Em hãy đọc tình huống sau và nêu nguyên nhân gây căng thẳng cho H.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc tình huống trong SGK tr.34 – 35 và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những câu trả lời phù hợp.

Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS chỉ ra được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng.

b) Nội dung: HS đọc tình huống trong SGK tr.35 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS chỉ ra được nguyên nhân gây căng thẳng, những tác động đến sức khỏe về mặt tinh thần, làm ảnh hưởng đến mối quan hệ với mọi người xung quanh và đến việc học tập, lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK tr.35 và trả lời câu hỏi:

– Theo em, điều gì làm cho K trở nên tức giận và dễ nóng tính?

– Sự căng thẳng ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của K?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những câu trả lời phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Phân tích tình huống và chia sẻ

a) Mục tiêu: HS vận dụng hiểu biết về nguyên nhân, biểu hiện của căng thẳng để phân tích một tình huống mà em từng gặp và chia sẻ với các bạn trong lớp.

b) Nội dung: Vận dụng hiểu biết về nguyên nhân, biểu hiện của căng thẳng để phân tích một tình huống mà em từng gặp và chia sẻ với các bạn trong lớp.

c) Sản phẩm: HS phân tích được nguyên nhân, biểu hiện của căng thẳng để phân tích một tình huống mà em từng gặp và chia sẻ với các bạn trong lớp.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS vận dụng hiểu biết về nguyên nhân, biểu hiện của căng thẳng để phân tích một tình huống mà em từng gặp và chia sẻ với các bạn trong lớp.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV hướng dẫn chi tiết để học sinh về nhà làm hoặc có thể mời 1 bạn làm mẫu tại lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, định hướng.

Nhiệm vụ 2. Thiết kế sơ đồ tư duy

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để tổng hợp những ảnh hưởng của căng thẳng đối với bản thân.

b) Nội dung: Thiết kế một sơ đồ tư duy về những ảnh hưởng của căng thẳng đối với bản thân.

c) Sản phẩm: HS vận dụng để thiết kế được sơ đồ tư duy về những ảnh hưởng của căng thẳng đối với bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thiết kế được sơ đồ tư duy về những ảnh hưởng của căng thẳng đối với bản thân.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thiết kế sơ đồ tư duy.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS chia sẻ sơ đồ tư duy của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS có sơ đồ tư duy đẹp và chính xác nhất.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ biểu hiện, nguyên nhân và ảnh hưởng của tình huống gây căng thẳng; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được biểu hiện, nguyên nhân và ảnh hưởng của tình huống gây căng thẳng nhưng còn chưa đầy đủ; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được biểu hiện, nguyên nhân và ảnh hưởng của tình huống gây căng thẳng; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.



Ứng phó với tâm lí căng thẳng

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được cách ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng.
- Thực hành được một số cách ứng phó tích cực với tâm lí căng thẳng.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

- Nhân ái.
- Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GDCC 7, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.
 - + Các tranh, hình ảnh, video/ clip có nội dung ứng phó với tâm lí căng thẳng.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Thực hiện quy tắc 4T

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS thực hiện quy tắc 4T trong việc ứng phó với tâm lí căng thẳng.

c) Sản phẩm: HS biết cách ứng phó với tâm lí căng thẳng trong cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện quy tắc 4T.

Tránh né tình huống bạn biết rằng có thể gây căng thẳng, đừng liên đới quá nhiều và học cách nói không.

Thay đổi tình huống bằng cách truyền đạt rõ ràng những điều đang làm phiền bạn, chuẩn bị cho sự thay đổi.

Tiếp nhận là khi bạn buộc phải thực hiện điều này, đừng lãng phí năng lượng vào việc giận dữ mà hãy học cách tha thứ.

Thích nghi với hoàn cảnh của bạn, hãy tự hỏi bản thân: “Trong vòng một năm nữa, liệu điều này có quan trọng không?”. Nếu câu trả lời là không, bạn có thể thấy tình hình sẽ khác đi.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát tranh trong SGK tr.36 và thực hiện các yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS chỉ ra các cách thức ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng trong những bức tranh sau.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV đề nghị HS quan sát tranh và thực hiện yêu cầu:

– *Hãy nêu cách ứng phó với căng thẳng qua các bức tranh trên.*

– *Kể thêm các cách ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng mà em biết.*

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được cách thức ứng phó với tâm lí căng thẳng.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp trong SGK tr.37 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS chỉ ra được mức độ và cách ứng phó với tâm lí căng thẳng của T và trình bày được các cách ứng phó với tâm lí căng thẳng phù hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr.37 và trả lời câu hỏi:

– *T đã gặp phải căng thẳng như thế nào?*

– *T đã làm gì để vượt qua sự căng thẳng đó?*

– *Nếu là T, em còn có cách nào khác để vượt qua sự căng thẳng đó?*

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc trường hợp và trả lời 3 câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra những cách thức ứng phó với tâm lí căng thẳng như luyện tập thể dục thể thao, có phương pháp học tập khoa học, phù hợp, luôn cố gắng để có những khoảnh khắc vui vẻ, hạnh phúc, thường xuyên gần gũi với thiên nhiên,...

Nhiệm vụ 2. Đọc ý kiến và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS phân tích được các cách ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng.

b) Nội dung: Em hãy đọc các ý kiến trong SGK tr.37 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS giải thích, phân tích được các cách ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng phù hợp theo gợi ý trong SGK tr.37 và nêu thêm các cách thức khác mà bản thân HS đã áp dụng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các ý kiến trong SGK tr.37 và cho biết:

– Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến nào ở trên? Vì sao?

– Hãy cho biết cách em đã từng áp dụng để ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng trong học tập hoặc giao tiếp với bạn bè, người thân như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc các ý kiến và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận về các cách ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng hiệu quả.

Nhiệm vụ 3. Sắp xếp tranh theo trình tự hợp lí

a) Mục tiêu: HS trình bày được trình tự các bước ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng.

b) Nội dung: Em hãy sắp xếp tranh trong SGK tr.38 và rút ra trình tự các bước ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng.

c) Sản phẩm: HS trình bày trình tự 5 bước ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS sắp xếp các tranh và rút ra trình tự các bước ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS quan sát tranh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 bạn HS nêu trình tự các bước ứng phó với tâm lí căng thẳng.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết các bước ứng phó với tâm lí căng thẳng phù hợp: xác định nguyên nhân gây căng thẳng, đề ra các biện pháp giải quyết, chọn lọc các giải pháp khả thi, thực hiện các giải pháp khả thi, đánh giá kết quả đạt được.

- Ứng phó với tâm lí căng thẳng là cách con người đối diện và vượt qua những tình huống căng thẳng trong cuộc sống một cách tích cực.
- Trình tự các bước ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng như sau: xác định nguyên nhân gây căng thẳng; đề ra các biện pháp giải quyết; chọn lọc các giải pháp khả thi; thực hiện các giải pháp khả thi; đánh giá kết quả đạt được.
- Để ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng, có thể thực hiện một số cách thức như: thường xuyên luyện tập thể dục thể thao; có phương pháp học tập khoa học, phù hợp; cố gắng để có những khoảnh khắc vui vẻ, hạnh phúc; thường xuyên gần gũi, hoà mình với thiên nhiên;... Nếu căng thẳng quá mức, cần tìm kiếm sự hỗ trợ từ người khác, nhất là người thân và thầy, cô giáo.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Chia sẻ

a) Mục tiêu: HS đánh giá được hiệu quả của các cách ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng bản thân đã áp dụng.

b) Nội dung: Em hãy chia sẻ cách ứng phó đã từng áp dụng với một tình huống căng thẳng trước đây. Em đánh giá như thế nào về hiệu quả của cách thức đó?

c) Sản phẩm: HS đánh giá được mức độ hiệu quả của những cách ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng bản thân đã áp dụng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia sẻ cách ứng phó đã từng áp dụng với một tình huống căng thẳng trước đây. Em đánh giá như thế nào về hiệu quả của cách thức đó?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ tình huống và cách thức ứng phó của bản thân. Cho các HS khác tham gia tư vấn giúp bạn cách thức ứng phó phù hợp hơn.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS thực hiện được những cách ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr.39 – 40 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS thực hiện được những cách ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng trong những tình huống cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK tr.39 – 40 và trả lời câu hỏi:

– Tình huống 1: Nếu là N, em sẽ làm gì?

– Tình huống 2: H nên nói chuyện với bạn như thế nào?

– *Tình huống 3: P đã chọn cách ứng phó nào? Em có đồng ý không? Vì sao?*

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS suy nghĩ và trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những cách ứng phó tích cực với tâm lí căng thẳng.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Giải quyết tình huống

a) Mục tiêu: HS áp dụng được quy trình các bước ứng phó tích cực với tâm lí căng thẳng để giải quyết một tình huống cụ thể.

b) Nội dung: Em hãy vận dụng trình tự các bước ứng phó tích cực khi gặp căng thẳng để giải quyết một tình huống mà em đã từng gặp nhưng chưa được giải quyết hiệu quả. Sau đó, chia sẻ với bạn về kết quả đạt được.

c) Sản phẩm: HS áp dụng được quy trình các bước ứng phó với tâm lí căng thẳng để giải quyết được một tình huống cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS hãy vận dụng trình tự các bước ứng phó tích cực với tâm lí căng thẳng để giải quyết một tình huống mà em đã từng gặp nhưng chưa được giải quyết hiệu quả. Sau đó, chia sẻ với bạn về kết quả đạt được.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày cách giải quyết tình huống và đưa ra các gợi ý cần thiết.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra những cách thức phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Tư vấn

a) Mục tiêu: HS tư vấn cho một người bạn để giải quyết một tình huống căng thẳng mà bạn đang gặp phải và ghi lại những cảm nhận của bạn về việc tư vấn của em.

b) Nội dung: Em hãy tư vấn cho một người bạn để giải quyết một tình huống căng thẳng mà bạn đang gặp phải và ghi lại những cảm nhận của bạn về việc tư vấn của em.

c) Sản phẩm: HS tư vấn cho một người bạn để giải quyết một tình huống căng thẳng mà bạn đang gặp phải.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện dựa trên gợi ý:

Khi tư vấn, cần xác định rõ:

– *Tình huống cụ thể là gì?*

– Nguyên nhân thật sự gây ra tình huống đó?

– Có những giải pháp nào để giải quyết?

– Giải pháp nào là khả thi nhất để áp dụng?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS chia sẻ những cảm nhận của bạn về việc tư vấn của em.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS cố gắng thực hiện hiệu quả quy trình ứng phó với tâm lý căng thẳng.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được cách ứng phó tích cực với tâm lý căng thẳng; Thực hành được một số cách ứng phó tích cực với tâm lý căng thẳng một cách hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được cách ứng phó tích cực với tâm lý căng thẳng nhưng chưa phù hợp; Thực hành được một số cách ứng phó tích cực với tâm lý căng thẳng nhưng chưa hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được cách ứng phó tích cực với tâm lý căng thẳng; Chưa thực hành được một số cách ứng phó tích cực với tâm lý căng thẳng; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Chân trời sáng tạo



Phòng, chống bạo lực học đường

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.
- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.
- Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.
- Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức.
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GDCC 7, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.
 - + Các tranh, hình ảnh, video liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Thử thách đối đầu

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS thực hiện nêu các suy nghĩ, thái độ và hành vi có liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

c) Sản phẩm: HS biết định hướng suy nghĩ, thái độ và hành vi phù hợp có liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia thành hai nhóm để nêu các suy nghĩ, thái độ và hành vi có liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

Nhóm 1: Nêu các biểu hiện suy nghĩ, thái độ và hành vi chưa phù hợp có liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

Nhóm 2: Nêu các biểu hiện suy nghĩ, thái độ và hành vi phù hợp có liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thảo luận nhanh, lấy ý kiến tổng hợp và bắt đầu trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện HS từng nhóm phát biểu câu trả lời hoặc ghi kết quả tổng hợp lên bảng.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Quan sát tranh trong SGK tr.41 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận biết được những hành vi của bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK tr.41 và trả lời câu hỏi sau:

Theo em, những bạn học sinh trong bức tranh dưới đây có những hành vi nào chưa phù hợp? Vì sao?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nhận biết được các biểu hiện của hành vi bạo lực học đường và nguyên nhân của bạo lực học đường.

b) Nội dung: Em hãy nêu tên các hành vi bạo lực học đường trong các tranh trong SGK tr. 42 và nguyên nhân của hành vi đó.

c) Sản phẩm: HS nhận biết được các hành vi bạo lực học đường thường gặp và nguyên nhân của các hành vi bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các tranh trong SGK tr.42 và thực hiện yêu cầu:

- Em hãy nêu tên các hành vi bạo lực học đường trong các bức tranh trên.
- Nêu các nguyên nhân của hành vi bạo lực học đường.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS quan sát và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS biết được vai trò, tầm quan trọng của việc phòng, chống bạo lực học đường.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp trong SGK tr.42 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận diện được các hành vi bạo lực học đường, hậu quả của bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr.42 và trả lời câu hỏi:

- Theo em, hành vi của T có phải là bạo lực học đường không? Vì sao?
- Những biểu hiện nào của bạo lực học đường được đề cập trong trường hợp trên?
- Bạo lực học đường gây ra những hậu quả gì cho N?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc trường hợp và trả lời 3 câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận câu trả lời phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Đọc thông tin

a) Mục tiêu: HS biết được một số quy định của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

b) Nội dung: Em hãy đọc các thông tin trong SGK tr.43 – 44 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS biết được một số quy định của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin trong SGK tr.43 – 44 và trả lời câu hỏi:

– Có những biện pháp nào để hỗ trợ người học có nguy cơ bị bạo lực học đường và cách can thiệp khi xảy ra bạo lực học đường?

– Người ở độ tuổi vị thành niên sẽ bị xử lý như thế nào khi gây ra bạo lực học đường?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 bạn HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất.

Nhiệm vụ 3. Xử lý tình huống

a) Mục tiêu: HS nhận diện những hành động ứng xử phù hợp để phòng, chống bạo lực học đường.

b) Nội dung: Em hãy đưa ra các cách ứng xử phù hợp cho các tình huống trong SGK tr.44 – 45.

c) Sản phẩm: HS biết được cách ứng xử phù hợp trong từng tình huống để phòng, chống bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS hãy đưa ra các cách ứng xử phù hợp cho các tình huống trong SGK tr.44 – 45.

– Tình huống 1:

Em sẽ làm gì, nếu là thành viên của đội thắng, thành viên của đội thua?

– Tình huống 2:

+ *Em có nhận xét gì về hành vi của các bạn trong tình huống trên?*

+ *Nếu là N, em sẽ làm gì?*

– Tình huống 3:

Nếu là bạn thân của H và tình cờ biết chuyện, em sẽ làm gì?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc các tình huống và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

– Bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục.

– Nguyên nhân khách quan của bạo lực học đường là: sự tác động của trò chơi điện tử có tính bạo lực, giáo dục gia đình và sự quan tâm của bố mẹ đến con cái,...; nguyên nhân chủ quan là: sự phát triển tâm lý lứa tuổi, sự thiếu hụt kỹ năng sống,...

– Bạo lực học đường gây ra những tổn thương về cơ thể, sức khỏe và đặc biệt là những tổn thương về mặt tâm lý (sợ hãi, tự ti, ám ảnh, trầm cảm,...) của nạn nhân; và ảnh hưởng đến xã hội, môi trường xung quanh.

– Để ứng phó với bạo lực học đường:

+ Trước khi xảy ra bạo lực: cần cố gắng để giải quyết mâu thuẫn hoặc nhờ người lớn can thiệp.

- + Trong khi xảy ra bạo lực: nhanh chóng rời khỏi vị trí, tình huống nguy hiểm và kịp thời nhờ sự hỗ trợ của người khác.
- + Sau khi xảy ra bạo lực: nhờ sự trợ giúp của gia đình, nhà trường về sức khỏe và tâm lý nếu thấy có sự bất ổn.
- Tuyên truyền về việc phòng, chống bạo lực học đường là trách nhiệm của mỗi học sinh, gia đình, nhà trường và xã hội. Khi chứng kiến hành vi bạo lực học đường, cần kịp thời hỗ trợ nạn nhân trong khả năng phù hợp hoặc thông báo cho những người liên quan để can thiệp, giải quyết.
- Học sinh có hành vi bạo lực học đường phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả mà mình gây ra theo quy định của pháp luật.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Tranh luận

a) Mục tiêu: HS tuyên truyền về việc phòng, chống bạo lực học đường là trách nhiệm của mỗi học sinh, gia đình, nhà trường và xã hội.

b) Nội dung: Em hãy tranh luận cùng bạn về những ý kiến sau:

- Chế giễu bạn trên mạng xã hội hay qua tin nhắn không phải là bạo lực học đường.
- Tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường là hành động cần thực hiện quyết liệt.
- Tuyên truyền, vận động phòng, chống bạo lực học đường là nhiệm vụ của người lớn, không phải của học sinh.
- Thông báo cho người thân và bạn bè biết mình bị bạo lực học đường là yếu đuối.
- Để không bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường, cần thẳng thắn từ chối các lời rủ rê và biết cách giữ bình tĩnh, tự chủ khi gặp các mâu thuẫn, xung đột.
- Tham gia cổ vũ cho bạo lực học đường không vi phạm pháp luật vì không trực tiếp tham gia vào hành vi ấy.

c) Sản phẩm: HS xác định được những hành động cụ thể ứng phó với bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tranh luận về những ý kiến trong SGK tr.46.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thảo luận nhóm, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS đại diện nhóm xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Nhiệm vụ 2. Thảo luận

a) Mục tiêu: HS nhận biết và ứng phó được nếu bản thân rơi vào những tình huống bạo lực học đường.

b) Nội dung: Em hãy cùng bạn thảo luận để ứng phó với các trường hợp sau:

– Một anh học lớp trên rủ em cùng “xử lý” một nhóm bạn khác đã “chơi trội” sau buổi thi văn nghệ toàn trường.

– Trong lớp, em bị lôi kéo để tẩy chay một bạn khác giới vì bạn ấy có nhiều điểm khác biệt với mọi người (chiều cao, cân nặng,...).

– Trên đường đi học về, em bị một bạn cùng lớp chặn lại và dọa đánh do không chịu chỉ đáp án cho bạn khi làm bài kiểm tra.

– Đã hai lần trong tuần này, một bạn ép em đưa tiền ăn sáng và hăm dọa: “Không được kể lại cho bất kì ai!”.

c) Sản phẩm: HS cùng thảo luận và tìm được cách ứng phó với bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr.47 và thực hiện yêu cầu:

Em hãy cùng bạn thảo luận để ứng phó với các trường hợp sau.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Nhiệm vụ 3. Sắp xếp các hành động theo trình tự

a) Mục tiêu: HS biết được cách thức phòng, chống bạo lực học đường.

b) Nội dung: Em hãy đọc và sắp xếp các ý trong SGK tr.47 theo trình tự trước, trong và sau khi xảy ra bạo lực học đường:

– Báo ngay cho người lớn để xử lý kịp thời tình huống mâu thuẫn mới phát sinh nhằm tránh xảy ra bạo lực học đường.

– Bỏ chạy khỏi vị trí nguy hiểm có thể xảy ra bạo lực học đường, kêu cứu để thu hút sự chú ý của mọi người.

– Hoà giải nhằm xử lý các mâu thuẫn học đường trên tinh thần dân chủ, tôn trọng.

– Thành thật kể với người lớn những chuyện đáng tiếc có liên quan đến bạo lực học đường đã xảy ra để nhận được sự giúp đỡ.

– Sử dụng một số thế võ tự vệ (nếu biết) để đảm bảo an toàn cho bản thân nhằm tránh bạo lực học đường.

– Lập tức kiểm tra y tế nếu có những biểu hiện bất thường về cơ thể hoặc sức khoẻ (đau, nhức, bầm,...) sau khi bị bạo lực học đường.

c) Sản phẩm: HS biết được cách thức, quy trình các bước phòng, chống bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và thực hiện yêu cầu:

Em hãy đọc và sắp xếp các hành động sau theo trình tự trước, trong và sau khi xảy ra bạo lực học đường.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 bạn HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất. Cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường như sau:

– Trước khi bị bạo lực học đường:

+ Hoà giải nhằm xử lí các mâu thuẫn học đường trên nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau.

+ Thành thật kể với người lớn những chuyện đáng tiếc có liên quan đến bạo lực học đường đã xảy ra để nhận được sự giúp đỡ.

+ Báo ngay cho người lớn để xử lí kịp thời tình huống mâu thuẫn mới phát sinh nhằm tránh xảy ra bạo lực học đường.

– Trong khi bị bạo lực học đường:

+ Bỏ chạy khỏi vị trí nguy hiểm có thể bị bạo lực học đường kèm theo tiếng kêu cứu để thu hút sự chú ý của mọi người.

+ Sử dụng một số thế võ tự vệ (nếu biết) để đảm bảo an toàn cho bản thân nhằm tránh bạo lực học đường.

– Sau khi bị bạo lực học đường:

+ Lập tức kiểm tra y tế nếu có những biểu hiện bất thường về cơ thể hoặc sức khoẻ (đau, nhức, bầm,...) khi bị bạo lực học đường.

Nhiệm vụ 4. Kể lại tình huống

a) Mục tiêu: HS thực hiện hành động phòng, chống bạo lực học đường thông qua câu chuyện của bản thân và đề xuất được những giải pháp xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh.

b) Nội dung: Hãy kể lại một tình huống mâu thuẫn của bạn bè mà em đã từng chứng kiến, từ đó đưa ra giải pháp phù hợp nhằm xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh.

c) Sản phẩm: HS quyết tâm thực hiện được hành động phòng, chống bạo lực học đường từ bài học rút ra trong câu chuyện của bản thân và đề xuất được những giải pháp xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS kể lại một tình huống mâu thuẫn của bạn bè mà em từng chứng kiến, từ đó đưa ra giải pháp phù hợp nhằm tạo môi trường học đường an toàn, lành mạnh.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS trình bày trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những ứng xử, giải pháp phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thiết kế và trang trí thông điệp

a) Mục tiêu: HS vận dụng và thực hiện việc phòng, chống bạo lực học đường bằng những việc làm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày.

b) Nội dung: Em hãy thiết kế, trang trí thông điệp về phòng, chống bạo lực học đường bằng các hình thức: vẽ, xé dán tranh,... và trưng bày cho cả lớp cùng xem.

c) Sản phẩm: HS vẽ, trang trí được thông điệp về phòng, chống bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thiết kế, trang trí thông điệp về phòng, chống bạo lực học đường bằng các hình thức: vẽ, xé dán tranh,... và trưng bày cho cả lớp cùng xem.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ sản phẩm của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS thực hiện phòng, chống bạo lực học đường.

Nhiệm vụ 2. Sắm vai

a) Mục tiêu: HS vận dụng và thực hiện việc phòng, chống bạo lực học đường bằng việc làm cụ thể.

b) Nội dung: Em hãy hợp tác cùng bạn để xây dựng kịch bản và sắm vai trước lớp một tiểu phẩm về phòng, chống bạo lực học đường.

c) Sản phẩm: HS xây dựng được kịch bản và sắm vai được tiểu phẩm về phòng, chống bạo lực học đường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS hợp tác cùng bạn để xây dựng kịch bản và sắm vai trước lớp một tiểu phẩm về phòng, chống bạo lực học đường.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS chia sẻ sản phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của mỗi nhóm HS.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường; Thực hiện tốt một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường; Phê phán, đấu tranh với các hành vi bạo lực học đường và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực học đường một cách hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường nhưng còn chưa đầy đủ; Thực hiện được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường nhưng chưa thường xuyên; Phê phán, đấu tranh với các hành vi bạo lực học đường và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực học đường nhưng chưa hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường; Chưa thực hiện được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường; Không có khả năng phê phán, đấu tranh với các hành vi bạo lực học đường và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực học đường; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả.
- Nhận biết được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả.
- Bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GDCC 7, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.
 - + Các tranh, hình ảnh, video liên quan đến việc quản lí tiền.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Hiểu ý đồng đội

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi *Hiểu ý đồng đội* để đoán được từ khoá liên quan đến bài học quản lí tiền:

- Từ khoá 1: Tiền tệ.
- Từ khoá 2: Quản lí.
- Từ khoá 3: Hiệu quả.
- Từ khoá 4: Thu nhập.

c) Sản phẩm: HS tham gia trò chơi tích cực và đoán được những từ khoá liên quan đến bài học quản lí tiền.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi.

– Phổ biến thể lệ: GV chia lớp thành hai đội, mỗi đội cử ra 2 HS đại diện tham gia trò chơi. Hai người chơi sẽ đối mặt với nhau, một người sẽ được nhìn từ khoá do GV đưa ra và sau đó diễn đạt bằng lời nói, hành động để đồng đội của mình đoán được từ khoá. Thời gian chơi cho mỗi đội là 2 phút tương ứng với 4 từ khoá. Hết thời gian, đội nào trả lời đúng được nhiều từ khoá nhất là đội chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV triển khai cho HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới nội dung của bài học.

Nhiệm vụ 2. Đọc tục ngữ, thành ngữ và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy đọc hai câu tục ngữ, thành ngữ trong SGK tr.48 và trả lời câu hỏi.

– Kiến tha lâu đầy tổ.

– Miệng ăn núi lở.

c) Sản phẩm: HS phân tích được nội dung hai câu tục ngữ, thành ngữ trong SGK tr.48 liên quan đến việc quản lí tiền hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc hai câu tục ngữ, thành ngữ trong SGK tr.48 và trả lời câu hỏi:

Theo em, những câu tục ngữ, thành ngữ có liên quan gì đến quản lí tiền? Vì sao?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc hai câu tục ngữ, thành ngữ trong SGK tr.48 và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS biết được vai trò, tầm quan trọng của việc quản lí tiền.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp trong SGK tr.48 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận diện được khái niệm và ý nghĩa của quản lí tiền hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr.48 và trả lời câu hỏi:

– Em có nhận xét gì về cách sử dụng tiền thưởng của bạn T và P?

– Theo em, thế nào là quản lý tiền hiệu quả?

– Việc quản lý tiền hiệu quả có ý nghĩa như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc trường hợp và trả lời 3 câu hỏi trong SGK tr.48.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận: Quản lý tiền là việc hiểu rõ các khoản tiền mình có và lên kế hoạch chi tiêu, tiết kiệm sao cho cân đối, phù hợp. Quản lý tiền có hiệu quả sẽ giúp vượt qua được những giai đoạn khó khăn của cuộc sống, không sa vào sự hoang phí, rèn luyện tính tiết kiệm và ý thức tự lập.

Nhiệm vụ 2. Đọc phương án

a) Mục tiêu: HS nhận biết những hành động phù hợp để quản lý tiền hiệu quả.

b) Nội dung: Em hãy đọc các phương án trong SGK tr.49 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận diện được một số phương án quản lý tiền có hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc những phương án trong SGK tr.49 và trả lời câu hỏi:

– Em chọn phương án nào trong những gợi ý trên? Vì sao?

– Em có suy nghĩ gì về việc quản lý tiền hiệu quả?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc những phương án trong SGK tr.49 và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Nhiệm vụ 3. Thuyết trình

a) Mục tiêu: HS trình bày được nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả.

b) Nội dung: Dựa vào những nguyên tắc trong SGK tr.49, em hãy thuyết trình trước lớp về nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả theo gợi ý.

c) Sản phẩm: HS trình bày được cách thức, nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thuyết trình trước lớp về nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả theo gợi ý dưới đây:

– Nguyên tắc 1: Chi tiêu hợp lý

(Ưu tiên mua những thứ mình cần hơn những thứ mình muốn).

– Nguyên tắc 2: Tiết kiệm thường xuyên.

(Tiết kiệm ít nhất 10% thu nhập để dự phòng trường hợp rủi ro).

– Nguyên tắc 3: Tăng nguồn thu.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS chọn nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả và suy nghĩ dàn ý bài thuyết trình.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 bạn HS xung phong trình bày.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất.

Nhiệm vụ 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được cách tạo nguồn thu nhập cho bản thân.

b) Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr.49 – 50 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận biết được những hành động, cách thức đơn giản tạo nguồn thu nhập cho bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr.49 – 50 và trả lời câu hỏi:

– Em có nhận xét gì về cách tạo thu nhập của M, T, H trong các trường hợp trên?

– Ngoài những cách tạo thu nhập trên, theo em, lứa tuổi học sinh còn có cách tạo thu nhập nào khác?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian để HS đọc các trường hợp trong SGK tr.49 – 50 và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 bạn HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất.

– Quản lý tiền hiệu quả là biết sử dụng tiền một cách hợp lý.

– Quản lý tiền hiệu quả giúp chúng ta chủ động chi tiêu hợp lý, rèn luyện tiết kiệm, dự phòng cho trường hợp khó khăn và đầu tư cho tương lai.

– Một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:

+ Chi tiêu hợp lý;

+ Tiết kiệm thường xuyên;

+ Tăng nguồn thu.

– Để tạo ra nguồn thu nhập, học sinh có thể chọn các hoạt động phù hợp với khả năng, thời gian của mình: thu gom phế liệu, tăng gia sản xuất, tự làm các sản phẩm để bán; cộng tác với một số tờ báo, trang tin điện tử tuổi học trò để viết tin, bài;...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Đánh giá cách chi tiêu tiết kiệm

a) Mục tiêu: HS thực hiện quản lí tiền bằng những hành động cụ thể.

b) Nội dung: Em hãy tự đánh giá về cách chi tiêu, tiết kiệm của em trong hai tuần gần đây và đề xuất hành động cụ thể để quản lí tiền một cách hiệu quả.

c) Sản phẩm: HS tự đánh giá được về cách chi tiêu, tiết kiệm của em trong hai tuần gần đây và đề xuất hành động cụ thể để quản lí tiền một cách hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS liệt kê những chi tiêu của em trong hai tuần và đề xuất hành động cụ thể để quản lí tiền một cách hiệu quả.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ việc quản lí tiền của bản thân.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra hành động quản lí tiền một cách hiệu quả.

Nhiệm vụ 2. Tư vấn cho bạn

a) Mục tiêu: HS thực hiện được cách thức quản lí tiền, tạo thu nhập cho bản thân.

b) Nội dung: Em hãy đọc hai tình huống trong SGK tr.50 – 51 và tư vấn cho các bạn H và T cách quản lí tiền, tạo thu nhập thêm phù hợp.

c) Sản phẩm: HS tư vấn được cho H và T những cách quản lí tiền và tạo thu nhập phù hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc hai tình huống trong SGK tr.50 – 51 và tư vấn cho các bạn H và T cách quản lí tiền, tạo thu nhập phù hợp.

* Thực hiện nhiệm vụ:

– Cách 1: GV cho thời gian HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

– Cách 2: GV cho thời gian HS thảo luận nhóm, sắm vai giải quyết tình huống.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

Nhiệm vụ 3. Thuyết trình

a) Mục tiêu: HS biết các nguyên tắc quản lí tiền một cách hiệu quả.

b) Nội dung: Em hãy chọn một trong hai thông điệp trong SGK tr.51 để thảo luận và thuyết trình trước lớp về ý nghĩa của thông điệp đó.

– “Nếu bạn mua những thứ bạn không cần, bạn sẽ sớm phải bán đi những thứ bạn cần”. (Warren Buffett)

– “Bạn phải làm chủ được tiền của mình, bằng không tình cảnh thiếu thốn sẽ mãi mãi kiểm soát bạn”. (Dave Ramsey)

c) Sản phẩm: HS thuyết trình được ý nghĩa của việc quản lí tiền cũng như biện pháp quản lí tiền hiệu quả từ một trong hai thông điệp trong SGK tr.51.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chọn một thông điệp trong SGK tr.51 để thảo luận và thuyết trình trước lớp về ý nghĩa của thông điệp đó.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Lập kế hoạch quản lí tiền

a) Mục tiêu: HS thực hiện việc quản lí tiền bằng những hành động cụ thể.

b) Nội dung: Em hãy lập kế hoạch quản lí tiền của em trong một tháng và chia sẻ cùng bạn.

c) Sản phẩm: HS lập kế hoạch quản lí tiền của bản thân trong một tháng và chia sẻ cùng bạn.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS lập kế hoạch quản lí tiền của em trong một tháng và chia sẻ cùng bạn theo mẫu gợi ý:

Đơn vị tính: nghìn đồng

Thời gian	Nguồn thu		Nguồn chi		Tiết kiệm
	Nội dung thu	Số tiền	Nội dung chi	Số tiền	
Tổng kết					

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ việc quản lí tiền của bản thân.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra hành động quản lí tiền một cách hiệu quả.

Nhiệm vụ 2. Tạo nguồn thu nhập

a) Mục tiêu: HS vận dụng và thực hiện quản lí tiền bằng cách tạo nguồn thu nhập để giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp.

b) Nội dung: Em hãy cùng với nhóm bạn thực hiện một dự án nhằm tạo nguồn thu phù hợp với khả năng của học sinh (thu gom phế liệu, tăng gia sản xuất, làm đồ thủ công để bán,...) để có tiền giúp đỡ một bạn có hoàn cảnh khó khăn trong trường.

c) Sản phẩm: HS xây dựng được kế hoạch tạo nguồn thu nhập cho cả nhóm để giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn trong trường.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS lập và thực hiện một dự án để tạo nguồn thu phù hợp với khả năng của học sinh (thu gom phế liệu, tăng gia sản xuất, làm đồ thủ công để bán,...) để có tiền giúp đỡ một bạn có hoàn cảnh khó khăn trong trường.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thảo luận nhóm và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS đại diện nhóm chia sẻ dự án tạo nguồn thu nhập của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS tạo nguồn thu nhập một cách hợp lí.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ ý nghĩa, nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả; Bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được ý nghĩa, nguyên tắc quản lí tiền nhưng còn chưa đầy đủ; Bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân nhưng chưa thường xuyên; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được ý nghĩa, nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả; Chưa thực hiện được quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.



Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến.
- Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm của bản thân trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GDCC 7, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.
 - + Các tranh, hình ảnh, video có nội dung liên quan đến nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Tốc độ*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi *Tốc độ*: kể tên những câu ca dao, tục ngữ nói về các loại tệ nạn xã hội.

c) Sản phẩm: HS chơi trò chơi tích cực và kể tên được những câu ca dao, tục ngữ nói về các loại tệ nạn xã hội.

- Đêm nằm nghĩ lại mà coi,
Lấy chồng đánh bạc như voi phá nhà.
- Ma tuý, “cơm trắng” hại anh,
Tan nhà nát cửa, bần cùng khổ thân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

- GV có thể tổ chức cho HS chơi cá nhân hoặc chia lớp thành các đội.
- Phổ biến thể lệ: Kể tên một số câu ca dao, tục ngữ về các loại tệ nạn xã hội hiện nay trong một thời gian nhất định (gợi ý: 2 – 3 phút). Cá nhân nào hoặc đội nào kể tên được nhiều câu ca dao, tục ngữ hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV triển khai cho HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả cá nhân hoặc đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học.

Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, HS phải quan sát những hình ảnh và suy động vốn hiểu biết của bản thân để kể tên các loại tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: HS quan sát các bức tranh và kể tên các loại tệ nạn xã hội.

c) Sản phẩm: HS kể tên được các loại tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 1 phút, quan sát các hình ảnh trong SGK tr.52 và kể tên các loại tệ nạn xã hội. HS có thể thảo luận với bạn bên cạnh.

* Thực hiện nhiệm vụ:

– GV chiếu các hình ảnh trong SGK tr.52 lên màn hình để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung.

– GV đưa ra yêu cầu: *Em hãy quan sát các bức tranh và kể tên các loại tệ nạn xã hội.*

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình. HS có thể kể tên nhiều loại tệ nạn xã hội khác nhau vì dựa trên quan điểm của mỗi cá nhân thấy được nhờ sự quan sát và suy đoán.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội đồng thời giải thích được những nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: Em hãy đọc trường hợp 1, 2 trong SGK tr.53 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS trình bày câu trả lời của nhóm trên giấy A0, trang trí bằng viết màu, có bố cục giống như một bức tranh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị học liệu gồm giấy A0, bút dạ các màu, giấy màu, kéo, băng dính theo yêu cầu (GV đã nhắc HS

chuẩn bị từ trước khi đến lớp). GV yêu cầu các nhóm đọc các trường hợp trong SGK tr.53, sau đó thảo luận 4 câu hỏi của 2 trường hợp:

– Trường hợp 1:

+ Anh T đã vướng phải những loại tệ nạn xã hội nào?

+ Nguyên nhân nào khiến anh T vướng phải tệ nạn xã hội đó?

– Trường hợp 2:

+ V đã vướng phải những loại tệ nạn xã hội nào?

+ Theo em, tệ nạn xã hội dẫn đến hậu quả như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội?

Sau khi thảo luận xong, các nhóm thể hiện kết quả thảo luận trên giấy A0 và trưng bày sản phẩm trong lớp học.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp, trao đổi thảo luận để thể hiện sản phẩm theo yêu cầu, hoàn thành sản phẩm theo ý tưởng của các thành viên có bố cục như một bức tranh.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận, đánh giá dựa trên các tiêu chí: nội dung, hình thức thể hiện, thuyết trình sản phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động. GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Nhiệm vụ 2. Đọc ý kiến và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được các loại tệ nạn xã hội phổ biến.

b) Nội dung: Em hãy đọc các ý kiến trong SGK tr.54 và trả lời câu hỏi.

– Chỉ người lớn mới vướng vào các tệ nạn xã hội.

– Đánh bài ăn tiền để vui, không gọi là tệ nạn xã hội.

– Hút thuốc lá thể hiện bản lĩnh, sành điệu.

– Nếu đủ bản lĩnh thì sử dụng ma túy một lần cũng không sao.

– Trò chơi điện tử có thể gây nghiện.

– Học sinh tham gia cá độ bóng đá sẽ không bị xử lý vì còn quá nhỏ.

c) Sản phẩm: HS đồng ý với ý kiến “Trò chơi điện tử có thể gây nghiện.” và không đồng ý với các ý kiến còn lại.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các ý kiến trong SGK tr.54 và trả lời câu hỏi:

– Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?

– Học sinh trung học cơ sở có thể vướng các loại tệ nạn xã hội nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV có thể chiếu các ý kiến trong SGK tr.54 lên máy chiếu, yêu cầu tất cả HS trong lớp cùng tập trung theo dõi và đưa ra câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện 3 – 4 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và kết luận.

– Tệ nạn xã hội là những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và pháp luật, gây hậu quả xấu đến mọi mặt của đời sống.

– Có nhiều loại tệ nạn xã hội, nhưng phổ biến nhất là cờ bạc, ma túy, mại dâm,...

– Tệ nạn xã hội có nguyên nhân khách quan như: mặt trái của nền kinh tế thị trường, môi trường sống không lành mạnh, do sự nuông chiều quá mức và buông lỏng con cái của cha mẹ,...; nguyên nhân chủ quan như: tò mò, lười biếng, ham chơi, đua đòi, thiếu hiểu biết và thiếu tự chủ,...

– Hậu quả của tệ nạn xã hội:

+ Đối với bản thân: Ảnh hưởng đến sức khỏe, làm tha hoá về nhân cách, rối loạn về hành vi, rơi vào lối sống buông thả, dễ vi phạm pháp luật,...

+ Đối với gia đình: cạn kiệt tài chính; làm tan vỡ hạnh phúc gia đình,...

+ Đối với xã hội: làm suy thoái giống nòi; rối loạn trật tự; ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế, suy giảm sức lao động xã hội,...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Nêu suy nghĩ của em về các câu ca dao, tục ngữ

a) Mục tiêu: HS thực hiện được những hành động, việc làm tích cực, tránh xa những tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: HS nêu suy nghĩ về các câu ca dao, tục ngữ trong SGK tr.54.

c) Sản phẩm: Nêu được suy nghĩ về các câu ca dao, tục ngữ.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc 2 câu ca dao, tục ngữ trong SGK tr.54, sau đó nêu suy nghĩ của mình. HS có thể viết ra giấy một đoạn ngắn về ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ và trình bày trước lớp. GV có thể đặt một số câu hỏi để gợi ý cho HS:

– Ý nghĩa của câu ca dao, tục ngữ đó là gì?

– Trong thực tế cuộc sống, có những trường hợp nào mà em nhận thấy đúng với ý nghĩa của câu ca dao, tục ngữ?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ và trao đổi với GV nếu gặp khó khăn.

* Tổ chức, điều hành: GV cho HS trình bày suy nghĩ của mình. Các HS khác lắng nghe và đưa ra ý kiến nhận xét.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

Nhiệm vụ 2. Bày tỏ ý kiến

a) Mục tiêu: HS xác định hành vi nào là tệ nạn xã hội và giải thích được vì sao hành vi đó là tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: Đọc hoạt động 2 phần Luyện tập trong SGK tr.55 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS chọn được hành vi nào là tệ nạn xã hội và giải thích.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các hành vi trong SGK tr.55 và trả lời câu hỏi:

Theo em, hành vi nào là tệ nạn xã hội? Vì sao?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS trao đổi về 2 ý kiến đặt ra: Hành vi nào là tệ nạn xã hội và hành vi nào không phải tệ nạn xã hội? Đưa ra các căn cứ xác định hành vi là tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật. Hành vi tệ nạn xã hội: Tổ chức đánh bạc, Cá độ bóng đá, Sử dụng thuốc lá điện tử. Hành vi không phải là tệ nạn xã hội: Trốn học thường xuyên, Gian lận trong thi cử.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS xác định hành vi nào thuộc tệ nạn xã hội và hành vi nào không phải là tệ nạn xã hội, sau đó thảo luận với nhau để bảo vệ ý kiến của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, kết luận.

Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận diện hậu quả nếu vướng vào tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống trong SGK tr.55 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi trong SGK tr.55.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân. HS đọc tình huống trong SGK tr.55 và trả lời câu hỏi:

– Vì sao Q vướng vào tệ nạn xã hội?

– Học sinh vướng vào tệ nạn xã hội có thể dẫn đến hậu quả gì?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện nhiệm vụ.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp, GV đặt câu hỏi để khai thác sâu hơn vấn đề HS chia sẻ.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và khen ngợi những HS hoạt động tích cực.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Lập bảng liệt kê tác hại của tệ nạn xã hội

a) Mục tiêu: HS lập bảng liệt kê tác hại của tệ nạn xã hội và rút ra bài học để chia sẻ cùng bạn nhằm tránh xa tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: HS tham khảo biểu mẫu trong SGK tr.55.

c) Sản phẩm: HS lập được bảng liệt kê tác hại của tệ nạn xã hội và rút ra bài học để chia sẻ cùng bạn nhằm tránh xa tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

* Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ HS lập bảng liệt kê tác hại của tệ nạn xã hội dựa trên biểu mẫu trong SGK tr. 55. GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS trình bày sản phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

Nhiệm vụ 2. Thiết kế các sản phẩm có nội dung tuyên truyền về nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội

a) Mục tiêu: HS thiết kế được các sản phẩm có nội dung tuyên truyền về nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: HS thiết kế sản phẩm: vẽ tranh, khẩu hiệu tuyên truyền,...

c) Sản phẩm: Các sản phẩm của HS thể hiện nội dung tuyên truyền về nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

* Giao nhiệm vụ: GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà. Mỗi HS sẽ lựa chọn hình thức làm sản phẩm để tuyên truyền ở nhà trường nơi em học hoặc địa phương nơi em sinh sống.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

* Tổ chức, điều hành: HS trưng bày sản phẩm trang trí ở trên lớp. Các bạn cùng quan sát sản phẩm và nhận xét sản phẩm của từng bạn, chia sẻ những điều mình học tập được từ sản phẩm của các bạn trong lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết hoạt động, động viên, khích lệ và có thể trao phần thưởng cho những sản phẩm xuất sắc.

VI. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ hành vi của HS, đánh giá thông qua tổng hợp đánh giá của GV, tự đánh giá của HS và HS đánh giá lẫn nhau ở từng hoạt động học tập.

Các mức độ đánh giá cuối bài:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ khái niệm tệ nạn xã hội, các loại tệ nạn xã hội; Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được một số và chưa đầy đủ khái niệm tệ nạn xã hội, các loại tệ nạn xã hội; Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội; Đánh giá HS ở mức độ hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Nêu chưa đầy đủ khái niệm tệ nạn xã hội, các loại tệ nạn xã hội; Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội chưa cụ thể và rõ ràng; Đánh giá HS ở mức độ chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5.



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.
- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.
- Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.
- Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm.
- Yêu nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK GDCC 7, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu đa năng, bảng, phấn, giấy A0.
 - + Các tranh, hình ảnh, video có nội dung liên quan đến phòng, chống tệ nạn xã hội.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Tìm từ khoá

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Tìm kiếm các từ khoá liên quan đến những quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội thông qua từng câu hỏi để điền vào ô trống.

c) Sản phẩm: HS tham gia tích cực và hoàn thành các ô chữ liên quan đến quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

- GV có thể tổ chức cho HS chơi cá nhân hoặc chia lớp thành các đội.
- GV có thể trình chiếu slide trò chơi ô chữ trên màn hình cho HS xem.

– Phổ biến thể lệ: Để tìm ra từ khoá điền vào ô chữ thì HS phải trả lời các câu hỏi tương ứng với ô chữ đó. Trả lời câu hỏi của ô chữ trong một thời gian nhất định (gợi ý: 30 giây). GV đọc câu hỏi và sẽ đưa ra những gợi ý để gợi mở cho học sinh nhanh chóng tìm đúng từ khoá.

- + Từ khoá 1: Cấm đánh bạc.
- + Từ khoá 2: Cấm đua xe.
- + Từ khoá 3: Cấm hút thuốc.
- + Từ khoá 4: Cấm uống rượu.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV triển khai cho HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học.

Nhiệm vụ 2. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các bức tranh trong SGK tr.56 và cho biết ý nghĩa của các khẩu hiệu.

c) Sản phẩm: HS nhận biết được ý nghĩa của việc phòng, chống tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh sau và cho biết ý nghĩa của các khẩu hiệu.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS quan sát và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức; phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin 1 và 2 trong SGK tr.57 – 58 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức; phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin 1 và 2 trong SGK tr.57 – 58 và trả lời câu hỏi:

– Nhân vật Nguyễn T đã vi phạm quy định về phòng, chống tệ nạn xã hội nào và sẽ bị pháp luật xử lý như thế nào?

– Nếu phát hiện ra những người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, em sẽ xử lý như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Nhiệm vụ 2. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống trong SGK tr. 58 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK tr.58 và trả lời câu hỏi:

– Tại sao Trường THCS M tổ chức “Lễ phát động và tuyên truyền về phòng, chống tệ nạn xã hội trong nhà trường”?

– Em có đồng ý với quan điểm của bạn H không? Vì sao?

– Nếu là học sinh Trường THCS M, em sẽ tham gia hoạt động này với tinh thần như thế nào? Tại sao?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc tình huống và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Nhiệm vụ 3. Đồng ý hay không đồng ý

a) Mục tiêu: HS phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: HS nêu suy nghĩ về các ý kiến và giải thích tại sao.

c) Sản phẩm: HS phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:

Em đồng ý hay không đồng ý với những ý kiến nào sau đây? Vì sao?

– Thấy người buôn bán ma túy nên lơ đi, coi như không biết.

– Không mang hộ đồ vật của người khác khi không biết rõ đồ vật ấy là gì, cho dù được trả nhiều tiền.

– Tuyệt đối không giao tiếp với người nghiện ma túy vì sẽ bị lôi kéo và mang tiếng xấu.

– Ma túy, mại dâm là con đường dẫn đến lây nhiễm HIV/AIDS.

– Hành vi tổ chức đánh bạc, đua xe ăn tiền là hành vi trái pháp luật.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Để phòng, chống tệ nạn xã hội, pháp luật nước ta quy định:

– Cấm đánh bạc dưới bất cứ hình thức nào, nghiêm cấm tổ chức đánh bạc.

– Nghiêm cấm sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng, tổ chức sử dụng, cưỡng bức, lôi kéo sử dụng trái phép chất ma túy. Những người nghiện ma túy bắt buộc phải cai nghiện.

– Nghiêm cấm hành vi mại dâm, dụ dỗ hoặc dẫn dắt mại dâm.

– Trẻ em không được đánh bạc, uống rượu, hút thuốc và dùng chất kích thích có hại cho sức khỏe. Nghiêm cấm lôi kéo trẻ em đánh bạc, cho trẻ em uống rượu, hút thuốc, dùng chất kích thích; nghiêm cấm dụ dỗ, dẫn dắt trẻ em mại dâm, bán hoặc cho trẻ em sử dụng văn hoá phẩm đồi trụy, đồ chơi hoặc trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ.

Trách nhiệm của học sinh:

Chăm chỉ học hành, rèn luyện đạo đức; sống giản dị, lành mạnh, (tích cực rèn luyện thể dục thể thao; không uống rượu, đánh bạc, biết giữ mình, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Tuân thủ nghiêm pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội trong nhà trường và ở địa phương.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống 1, 2, 3 SGK tr.59 – 60 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS quyết tâm thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống và trả lời câu hỏi:

– Tình huống 1.

+ Em có nhận xét gì về việc làm của H?

+ Theo em, H quyết định như thế nào là phù hợp?

– Tình huống 2.

+ Em có nhận xét gì về hành vi cá độ của anh A?

+ Anh A có phải chịu trách nhiệm trước pháp luật không? Vì sao?

– Tình huống 3.

+ Em có đồng tình với ý kiến cho rằng K là chủ mưu, còn T và H là vô tội không? Vì sao?

+ Em sẽ làm gì nếu biết bạn của mình sử dụng ma túy?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS trình bày trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận.

Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp sau và đưa ra cách giải quyết

a) Mục tiêu: HS đưa ra được những cách giải quyết phù hợp và hiệu quả trong việc phòng, chống tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: Em hãy đưa ra cách giải quyết phù hợp và hiệu quả trong những trường hợp sau đây.

– Một người bạn của em vào quán internet chơi điện tử cá độ ăn tiền.

– Một người rủ em thử sử dụng thuốc lắc.

– Một người nhờ em mang đồ vật không rõ được gói kín khi đi qua trạm Công an giao thông.

c) Sản phẩm: HS đưa ra được những cách giải quyết phù hợp và hiệu quả trong việc phòng, chống tệ nạn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr.60 và đưa ra cách giải quyết phù hợp và hiệu quả.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Làm sản phẩm

a) Mục tiêu: HS vận dụng và thiết kế tờ rơi nhằm tuyên truyền, giáo dục các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

b) Nội dung: Dựa trên các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội,

em hãy thiết kế một tờ rơi nhằm tuyên truyền, giáo dục cho HS.

c) Sản phẩm: HS thiết kế được sản phẩm cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa trên các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội để thiết kế một tờ rơi.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày sản phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS.

Nhiệm vụ 2. Đóng tiểu phẩm

a) Mục tiêu: HS vận dụng và thực hiện phòng, chống tệ nạn xã hội bằng những việc làm cụ thể.

b) Nội dung: Em hãy làm việc nhóm để lên ý tưởng và trình bày trước lớp một tiểu phẩm ngắn với chủ đề: “Nói không với tệ nạn xã hội”.

c) Sản phẩm: HS thực hiện được tiểu phẩm phù hợp, sinh động, lôi cuốn.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm để lên ý tưởng và trình bày trước lớp một tiểu phẩm ngắn với chủ đề “Nói không với tệ nạn xã hội”.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS làm việc nhóm để xây dựng kịch bản.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 nhóm HS lên trình bày tiểu phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS phòng, chống tệ nạn xã hội.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; Thực hiện tốt một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội một cách hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội nhưng còn chưa đầy đủ; Thực hiện được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội nhưng chưa thường xuyên; Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội nhưng chưa hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; Chưa thực hiện được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; Không có khả năng phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội; Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.



Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.
- Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và người khác.
- Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, bố mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm của bản thân trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT, tranh, ảnh.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu, giấy A0.
 - + Các tranh, hình ảnh, video có nội dung nói về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Tiếp sức đồng đội*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động những kiến thức, kinh nghiệm của bản thân liên quan đến chủ đề quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi *Tiếp sức đồng đội* kể tên những bài hát có nội dung liên quan đến chủ đề gia đình.

c) Sản phẩm: HS chơi trò chơi tích cực và kể tên được những bài hát có nội dung liên quan đến chủ đề gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV tổ chức cho HS chơi cá nhân hoặc chia lớp thành các đội.

– Phổ biến thể lệ: kể tên những bài hát liên quan đến chủ đề gia đình trong một thời gian nhất định (gợi ý: 2 – 3 phút). Cá nhân hay đội nào kể nhiều tên bài hát hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV triển khai cho HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả cá nhân hoặc đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học.

Nhiệm vụ 2. Đọc câu ca dao

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động vốn hiểu biết của bản thân để giải thích được ý nghĩa của những câu ca dao, qua đó, kích thích nhu cầu, tìm hiểu, khám phá kiến thức mới của HS.

b) Nội dung: Em hãy đọc và cho biết người xưa muốn khuyên chúng ta điều gì qua các câu ca dao dưới đây?

c) Sản phẩm: HS trả lời được ý nghĩa của những câu ca dao.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 1 phút, đọc các câu ca dao trong SGK tr.61 và cho biết người xưa đã khuyên dạy chúng ta điều gì? HS có thể thảo luận cặp đôi với bạn bên cạnh.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV có thể chiếu các câu ca dao trong SGK tr. 61 lên máy chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung và đưa ra yêu cầu: Em hãy đọc những câu ca dao sau và cho biết người xưa muốn khuyên dạy chúng ta điều gì?

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và kết luận.

Gợi ý thêm: Tùy vào không khí lớp học và điều kiện cơ sở vật chất, trong quá trình tổ chức hoạt động khởi động này, GV có thể chèn vào slide chiếu bài nhạc hoặc bài hát về gia đình để khơi dậy tình yêu thương gia đình trong HS.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm gia đình.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr.61 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nêu được khái niệm gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr.61 và trả lời câu hỏi:

– Gia đình là gì?

– Gia đình được hình thành từ những quan hệ nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS cảm nhận được tình yêu thương con người trong gia đình của nhân vật trong câu chuyện và nêu được vai trò của gia đình.

b) Nội dung: HS đọc trường hợp trong SGK tr.62 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Học sinh phân tích được câu chuyện và nêu được vai trò của gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK tr.62 và trả lời các câu hỏi sau:

– Em có cảm xúc như thế nào khi đọc trường hợp trên?

– Theo em, gia đình có vai trò như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp trong SGK tr.62 và trả lời các câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu câu trả lời, các HS khác nhận xét và bổ sung.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

b) Nội dung: Em hãy đọc các thông tin trong SGK tr.62 – 63, sau đó thảo luận để thực hiện yêu cầu ở cuối phần thông tin đầu tr.64 bằng cách vẽ sơ đồ tư duy về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c) Sản phẩm: HS vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện được: Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ; Quyền và nghĩa vụ của con; Nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng; Nghĩa vụ và quyền giáo dục con; Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; Quyền, nghĩa vụ của anh, chị, em.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị học liệu gồm giấy A0,

bút dạ các màu, giấy màu, kéo, băng dính (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).

– GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin tr.62 – 63, sau đó thảo luận và thực hiện theo yêu cầu. Sau khi thảo luận xong, các nhóm thể hiện kết quả thảo luận bằng sơ đồ tư duy trên giấy A0 và trưng bày sản phẩm trong lớp học.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin, trao đổi thảo luận để thể hiện sản phẩm theo yêu cầu. Hoàn thành sản phẩm sơ đồ tư duy về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm theo kĩ thuật phòng tranh, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận. Sau đó, đánh giá, nhận xét sản phẩm của các nhóm khác dựa trên các tiêu chí: nội dung, hình thức thể hiện, thuyết trình sản phẩm.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động. GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

GV có thể tham khảo phiếu đánh giá theo tiêu chí sau:

PHIẾU 1: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM CỦA NHÓM

Nhóm được đánh giá:

Nhóm đánh giá:

Hoạt động và sản phẩm được đánh giá:

STT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá		
		Mức 1 Hoàn thành tốt	Mức 2 Hoàn thành	Mức 3 Chưa đạt
1	Nội dung trình bày	Nội dung đầy đủ, rõ ràng, chính xác. Thể hiện đầy đủ quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.	Nội dung thể hiện được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình nhưng chưa rõ ràng, chưa cụ thể.	Nội dung trình bày chưa đủ quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.
2	Hình thức thể hiện	Bố cục cân đối, màu sắc đẹp, hài hoà, có hình ảnh minh hoạ.	Bố cục hợp lí, màu sắc tương đối đẹp, hài hoà chưa có hình ảnh minh hoạ.	Bố cục thiếu cân đối, màu sắc chưa hợp lí, chưa có hình ảnh minh hoạ.
3	Thuyết trình sản phẩm	Thuyết trình tự tin, rõ ràng, biểu cảm. Trả lời tốt các câu hỏi.	Thuyết trình tự tin, rõ ràng. Trả lời được một số câu hỏi.	Thuyết trình chưa trôi chảy, chưa biểu cảm. Chưa trả lời được các câu hỏi của các nhóm.

PHIẾU 2: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HS TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM

Người đánh giá:

Người được đánh giá:

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ.	Từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	– Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. – Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	– Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. – Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ người khác.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.
5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và hoàn thành trước thời hạn.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

GV nêu nội dung về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

– Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ông bà:

+ Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ nuôi dạy con thành những công dân tốt, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con, tôn trọng ý kiến của con; không được phân biệt đối xử giữa các con, không được ngược đãi, xúc phạm con, bắt buộc con làm những điều trái luật, trái đạo đức.

+ Ông bà nội, ngoại có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu chưa thành niên hoặc cháu thành niên bị tàn tật nếu không có người nuôi dưỡng.

– Quyền và nghĩa vụ của con, cháu:

+ Con cháu có bổn phận yêu quý kính trọng, biết ơn cha mẹ, ông bà, có quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà, đặc biệt khi ông bà, cha mẹ ốm đau, già yếu. Nghiêm cấm con cháu có hành vi ngược đãi, xúc phạm ông bà, cha mẹ.

+ Anh chị em có bổn phận thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nuôi dưỡng nhau nếu không còn cha mẹ.

Nhiệm vụ 4. Đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.

b) Nội dung: Dựa vào trường hợp 1, 2 ở SGK tr.64 và cho biết việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của nhân vật, bạn bè, người thân của em đã tốt chưa? Những việc nên làm để đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ông bà, cha mẹ, anh chị em trong gia đình.

c) Sản phẩm: Cách thức tự nhận thức bản thân trong cuộc sống gia đình.

– Tự vấn bản thân: tốt hay chưa tốt?

– Những việc nên làm để đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ông bà, cha mẹ, anh chị em trong gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào trường hợp 1, 2 SGK tr.64 và trả lời câu hỏi:

– Trường hợp 1:

+ T đã thực hiện nghĩa vụ của mình như thế nào đối với ông, bà?

+ Đây là những biểu hiện tốt hoặc chưa tốt trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bạn bè, người thân mà em biết?

– Trường hợp 2:

+ Theo em, con trai cụ M đã thực hiện tốt nghĩa vụ đối với mẹ của mình chưa? Vì sao?

+ Em nên làm những việc gì để đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ông bà, bố mẹ, anh chị em trong gia đình?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS cùng bạn thảo luận về thông tin 1, 2 trong SGK tr.64. Với mỗi thông tin, viết câu trả lời của mình vào tập ghi.

* Tổ chức, điều hành: GV chọn 3 – 5 cặp HS trình bày trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của pháp luật.
- Gia đình là tế bào của xã hội, cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn, nhân cách của mỗi người; mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hoà trong đời sống của mỗi thành viên và là điểm tựa vững chắc để chúng ta phấn đấu vươn lên trong cuộc sống.
- Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ông bà:
 - + Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ nuôi dạy con thành những công dân tốt, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con, tôn trọng ý kiến của con; không được phân biệt đối xử giữa các con, không được ngược đãi, xúc phạm con, bắt buộc con làm những điều trái luật, trái đạo đức.
 - + Ông bà nội, ngoại có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu chưa thành niên hoặc cháu thành niên bị tàn tật nếu không có người nuôi dưỡng.
- Quyền và nghĩa vụ của con, cháu: Con cháu có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn cha mẹ, ông bà; có quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà, đặc biệt khi ông bà, cha mẹ ốm đau, già yếu. Nghiêm cấm con cháu có hành vi ngược đãi, xúc phạm ông bà, cha mẹ.
- Anh chị em có bốn phận thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và nuôi dưỡng nhau nếu không còn cha mẹ.
- Mỗi học sinh cần thực hiện tốt nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Kể lại những việc làm thể hiện sự quan tâm lẫn nhau của các thành viên trong gia đình em

a) Mục tiêu: HS nêu được những việc làm thể hiện sự quan tâm lẫn nhau của các thành viên trong gia đình em.

b) Nội dung: Hãy kể lại những việc làm thể hiện sự quan tâm lẫn nhau của các thành viên trong gia đình.

c) Sản phẩm: HS nêu được một số việc làm thể hiện sự quan tâm lẫn nhau của các thành viên trong gia đình em.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nêu được những việc làm thể hiện sự quan tâm lẫn nhau của các thành viên trong gia đình. HS có thể ghi chép, chụp ảnh, quay lại video,...

* Thực hiện nhiệm vụ: HS lên ý tưởng và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

* Tổ chức, điều hành: HS nêu những việc làm và chia sẻ với các bạn trên lớp về

những bài học rút ra sau khi thực hiện những việc làm thể hiện sự quan tâm lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình. Các bạn khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

* Kết luận, đánh giá: GV hỗ trợ HS nêu và rút ra được bài học cho mình thông qua hoạt động chia sẻ trên lớp.

Nhiệm vụ 2. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và người khác.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống 1, 2 trong SGK tr.65 – 66 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS trả lời được những câu hỏi ở tình huống 1, 2 trong SGK tr.65 – 66.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống 1, 2 trong SGK tr.65 – 66 và trả lời câu hỏi:

– Tình huống 1:

+ *Gia đình đã đảm bảo thực hiện quyền của N chưa? N có thực hiện tốt bổn phận của mình không?*

+ *Nếu là bạn của N, em sẽ góp ý với N như thế nào?*

– Tình huống 2:

+ *Cách xử sự của ông H có đúng với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không? Vì sao?*

+ *Nếu là bạn của con trai ông H, em sẽ chia sẻ với bạn ấy như thế nào?*

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian để đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Xây dựng kế hoạch

a) Mục tiêu: HS tự nhận xét về việc thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với gia đình. Sau đó, xây dựng kế hoạch thực hiện nghĩa vụ của mình đối với gia đình trong thời gian tới.

b) Nội dung: Em hãy tự nhận xét về việc thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với gia đình. Sau đó, xây dựng kế hoạch thực hiện nghĩa vụ của mình đối với gia đình trong thời gian tới.

c) Sản phẩm: HS xây dựng được kế hoạch thực hiện nghĩa vụ của mình đối với gia đình trong thời gian tới.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp.

– Mỗi HS sẽ viết vào tập bản tự nhận xét về việc thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với gia đình. Sau đó, xây dựng kế hoạch thực hiện nghĩa vụ của mình đối với gia đình trong thời gian tới.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian khoảng 3 phút cho HS suy nghĩ và viết bài.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

Nhiệm vụ 2. Thiết kế sản phẩm

a) Mục tiêu: HS thiết kế được sản phẩm trang trí có nội dung về bổn phận của con cháu đối với bố mẹ, ông bà.

b) Nội dung: HS thiết kế sản phẩm như vẽ tranh, áp phích, banner,...

c) Sản phẩm: Các sản phẩm của HS thể hiện nội dung về bổn phận của con cháu đối với bố mẹ, ông bà.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà. Mỗi HS sẽ lựa chọn hình thức và thực hiện sản phẩm.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

* Tổ chức, điều hành: HS trình bày sản phẩm ở trên lớp. Các bạn cùng quan sát sản phẩm và nhận xét sản phẩm của từng bạn, chia sẻ những điều mình học tập được từ sản phẩm của các bạn trong lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết hoạt động, động viên, khích lệ và có thể trao phần thưởng cho những sản phẩm xuất sắc.

VI. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ hành vi của HS, đánh giá thông qua tổng hợp đánh giá của GV, tự đánh giá của HS và HS đánh giá lẫn nhau ở từng hoạt động học tập.

Các mức độ đánh giá cuối bài:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ những quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình nhưng chưa đầy đủ; Đánh giá HS ở mức độ hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Nêu được rất ít quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình; Đánh giá HS ở mức độ chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – TRẦN LÊ NHẤT TÚ

Thiết kế sách: HOÀNG CAO HIỀN

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG THẢO

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XBGD GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7 - SÁCH GIÁO VIÊN

(CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2HG7G001M22

In bản, (QĐ in số) khổ 19 x 26,5 cm

Đơn vị in:

Địa chỉ:

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/34-397/GD

Số QĐXB:, ngày tháng năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mã số ISBN: 978-604-0-31993-7

nguynthsgom



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|--|
| 1. NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
Sách giáo viên | 9. TIN HỌC 7
Sách giáo viên |
| 2. NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
Sách giáo viên | 10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 7
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 7
Sách giáo viên | 11. ÂM NHẠC 7
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 7
Friends Plus - Teacher's Guide | 12. MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 5. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
Sách giáo viên | 13. MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 6. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7
Sách giáo viên | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 7. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
Sách giáo viên | 15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 8. CÔNG NGHỆ 7
Sách giáo viên | |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-31993-7



9 786040 319937

Giá: 21.000 đ